



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



BẢN TIN TBT

Số 02/2023



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 01 Bà Triệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3822747

Fax: 0256 3822747

website: www.tdcbinhdinh.org.vn

Email: chicuctdc@skhcn.binh Dinh.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
I	Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	4
1	Bộ KH&CN tổ chức kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam	4
2	Thủ tướng: Phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	6
3	Sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tình hình mới	11
4	Chuyển đổi số ngành TCĐLCL: Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi	16
5	Triển khai áp dụng thí điểm Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng	19
6	Tăng cường khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường	21
7	Quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử	25
8	Tiêu chuẩn hóa giúp doanh nghiệp xác định được chuẩn mực hoạt động sản xuất kinh doanh	27
9	Xây dựng tiêu chuẩn mới về sản phẩm cách nhiệt	30
10	8 bước cơ bản để doanh nghiệp nâng cao năng suất khi áp dụng công cụ NSCL	32
11	Làm thế nào để tăng năng suất trong ngành sản xuất và chế biến gỗ?	35
12	Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS của Ấn Độ – Những lưu ý với doanh nghiệp Việt Nam	37
II	Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	40
1	Việt Nam: Cảnh báo của EU đối với củ sặc (ADAPTER)	40
2	Danh mục các thông báo nhận được từ 01/4/2023 – 30/6/2023	41
III	Chuyên mục: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	53



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Kính gửi: Quý bạn đọc!

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định thực hiện nhiệm vụ Thông báo và Hỏi đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Thông báo và Hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn tỉnh, Chi cục đã xây dựng và biên soạn Bản tin TBT hàng quý nhằm đăng tải thông tin liên quan đến việc thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tin cảnh báo của các nước thành viên WTO có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bản tin được đăng tải trên website: www.tdcbinhdinh.org.vn
 Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Bản tin Quý II năm 2023!

Email: chicuctdc@skhcn.binhdinhh.gov.vn ĐT: 02563 822747



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023

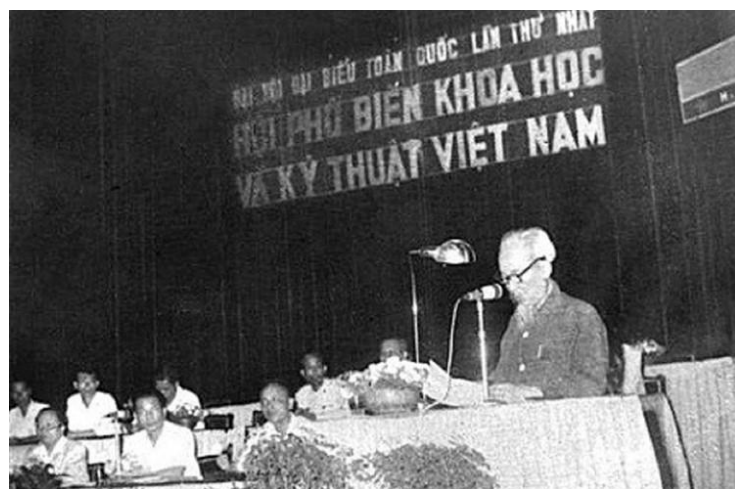


Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Bộ KH&CN tổ chức kỷ niệm ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp mặt giới trí thức, 10 năm Ngày Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam, ngày 17/5/2023, tại Hà Nội, Bộ KH&CN tổ chức Lễ chào mừng với mong muốn đại diện các doanh nghiệp, nhà khoa học chia sẻ câu chuyện thực tế, truyền cảm hứng đưa KH&CN vào giải quyết các bài toán của cuộc sống.

Ngày 18/5/1963, tại Đại hội lần thứ nhất Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam, bàn về mối quan hệ giữa khoa học và sản xuất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động, không ngừng cải thiện đời sống của Nhân dân”. Tròn 60 năm (18/5/1963 – 18/5/2023), lời căn dặn của Người đã trở thành kim chỉ nam cho hoạt động KH&CN nước nhà. Ngày 18/6/2013, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIII, Luật Khoa học và Công nghệ được thông qua, quy định ngày 18/5 hằng năm là Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam.



Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam. Nguồn: Ảnh tư liệu.

Từ đó đến nay, 18/5 đã trở thành ngày truyền thống, ngày hội quan trọng của những người làm công tác nghiên cứu, quản lý, cán bộ của ngành KH&CN trên cả nước. Lễ kỷ niệm là “điểm hẹn” thường niên để cộng đồng KH&CN tổ chức các hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhằm ghi nhận, tôn vinh những nỗ lực của ngành KH&CN đóng góp cho kho tàng tri thức cũng như phục vụ phát triển kinh tế – xã hội.

Chủ đề của Ngày KH&CN năm nay là “Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo – động lực phát triển bền vững”. Với ý nghĩa đó, Bộ KH&CN đã phát động nhiều hoạt động chào mừng Ngày KH&CN Việt Nam lần thứ 10 nhằm biểu dương và tôn vinh các nhà khoa học, đội ngũ cán bộ KH&CN; tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các thành tựu KH, CN & ĐMST nổi bật; thu hút các chuyên gia nước ngoài, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài tích cực tham gia hoạt động KH, CN & ĐMST trong nước; khơi dậy tinh thần đam mê lao động sáng tạo, nghiên cứu khoa học trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN trong tương lai. Nâng cao văn hóa ĐMST trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra động lực tăng trưởng mới cho xã hội.



Thủ tướng Phạm Minh Chính đã tham quan gian trưng bày sản phẩm của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Techfest Vietnam 2022.

Năm 2023 – tròn 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu tại Hội nghị Phổ biến khoa học, kỹ thuật Việt Nam và 10 năm ngày 18/5 trở thành Ngày truyền thống của ngành KH&CN, lời dạy của Bác đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đồng thời tiếp thêm động lực, niềm tin, niềm vinh dự, tự hào cho lực lượng KH&CN nước nhà trong thời đại mới, quyết tâm đoàn kết nỗ lực để nhân lên gấp bội tiềm năng và nguồn lực trí tuệ Việt Nam, đưa KH&CN & ĐMST phát triển lên một tầm cao mới, đóng góp ngày càng to lớn cho sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững đất nước, xứng đáng với kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Theo MOST



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Thủ tướng: Phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh, trong một thế giới biến đổi nhanh, phức tạp, cần nuôi dưỡng, phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Phát biểu tại buổi lễ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh, cách đây tròn 60 năm, vào ngày 18/5/1963, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Phổ biến khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã căn dặn: “Khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi...”.

Thấm nhuần tư tưởng của Bác, những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn xác định phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN) là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) và bảo vệ Tổ quốc. Nền KH-CN đã có những đóng góp quan trọng, nổi bật trong mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước trên tất cả các lĩnh vực nổi bật như lai tạo gạo ST25, chọn tạo bộ giống, quy trình kỹ thuật canh tác lúa và nhiều loại cây ăn quả; các phương pháp mô tuyến giáp, mô gan khô, ghép tạng; chủ động được 11/12 loại vắc xin phục vụ Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia, sáng chế Robot đa năng chống dịch COVID-19...

Thủ tướng nhấn mạnh rằng, khoa học công nghệ là con đường ngắn nhất để đạt đến mục tiêu thịnh vượng. Việt Nam là quốc gia đạt tiên bộ và có tiềm năng lớn với giá trị ngày càng tăng về đổi mới sáng tạo, nhất là đối với thế hệ trẻ. Nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam ngày càng quan tâm, tập trung đầu tư cho phát triển KH-CN thông qua các quỹ, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm và các loại hình liên kết... Chỉ số đổi mới sáng tạo thuộc nhóm 50 quốc gia dẫn đầu thế giới.



Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh tầm quan trọng của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển kinh tế-xã hội.

Đội ngũ trí thức KHCN ngày càng lớn mạnh, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Nhiều nhà khoa học Việt Nam, trong đó có các nhà khoa học nữ, khoa học trẻ đã có những nghiên cứu mang tầm ảnh hưởng khu vực và quốc tế. Thị trường KHCN đã được hình thành, bước đầu phát huy tác dụng và đạt một số kết quả tích cực.

Thay mặt Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Phạm Minh Chính biểu dương và nhiệt liệt chúc mừng các nhà khoa học Việt Nam ở trong nước và nước ngoài đã cống hiến thầm lặng và lao động quên mình cho đất nước trong suốt những năm qua. Thủ tướng cũng biểu dương các ngành, các cấp đã ủng hộ, hỗ trợ lực lượng KHCN hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực, hiệu quả vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cùng với đó, Thủ tướng đã chỉ rõ những tồn tại, hạn chế cần khắc phục như KHCN và đổi mới sáng tạo phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và vị trí quốc sách hàng đầu; chưa thực sự trở thành động lực để thúc đẩy phát triển. Hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý, hoạt động KHCN còn chậm đổi mới. Còn thiếu các nhà khoa học đầu ngành; nhân lực nghiên cứu và phát triển công nghệ còn mỏng, nhất là những lĩnh vực công nghệ mới.

Thủ tướng nêu rõ, phát triển KHCN được xác định là quốc sách hàng đầu. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục xác định phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo theo quan điểm “nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi

mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước”.

Thủ tướng nhấn mạnh: “Trong một thế giới biến đổi nhanh, phức tạp và khó lường, để thực hiện mục tiêu đó, cần nuôi dưỡng, phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần KHCN, đổi mới sáng tạo. Chúng ta cần có đội ngũ thầy cô giỏi, có tinh thần và nhiệt huyết nghiên cứu; cần có đội ngũ các nhà khoa học giỏi làm việc trong các viện nghiên cứu, trường đại học; các kỹ sư, nhà công nghệ giỏi trong doanh nghiệp, các nhà quản lý khoa học giỏi để hoạch định các chính sách thúc đẩy phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo. Chúng ta cần phát huy hiệu quả nguồn lực các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài”.

Để thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030, tầm nhìn đến 2045, hơn bao giờ hết, phải tiếp tục đổi mới tư duy và hành động một cách quyết liệt nhằm khai thông, giải phóng tối đa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, đặc biệt là phát huy mạnh mẽ trí tuệ và sức sáng tạo của con người Việt Nam, lấy KHCN và đổi mới sáng tạo làm một động lực tăng trưởng chủ yếu.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, Thủ tướng chỉ rõ, phát triển KHCN phải phục vụ thúc đẩy phát triển KTXH, nâng cao đời sống người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

KHCN, đổi mới sáng tạo phải gắn liền với thực tiễn, tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo của sự thành công. Nghiên cứu khoa học vừa phải tập trung vào những vấn đề, lĩnh vực cơ bản, nền tảng, mang tính lý thuyết, vừa phải giải quyết những nút thắt mà thực tế đặt ra; đồng thời có tính định hướng, dẫn dắt cho sự phát triển của sản xuất, kinh doanh.

Bám sát các xu hướng của thế giới, phát triển KHCN cả chiều rộng và chiều sâu, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số lĩnh vực đặc thù, có thế mạnh của Việt Nam để bứt phá, tạo sự khác biệt, đi tiên phong trong khu vực và thế giới. Nguồn lực con người là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực thúc đẩy phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo. Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc.

Khuyến khích phong trào nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo ở tất cả các lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, không phân biệt khu vực miền xuôi hay miền núi, biên giới, hải đảo, bất kể người Việt Nam trong nước hay ở nước ngoài. Trong khoa học, phải có ước mơ, hoài bão; phải có nhiệt huyết, đam mê; phải có khát vọng, niềm tin; phải có mục tiêu, lý tưởng; phải có sự nỗ lực và kiên trì; phải có lòng tự trọng và niềm tự hào dân tộc; phải có tinh thần xả thân vì khoa học, dám đối diện với thất bại để thành công.

Về một số nhiệm vụ trọng tâm, Thủ tướng đề nghị nâng cao nhận thức và hành động của các cấp, các ngành trong chỉ đạo phát triển KHCN và đổi mới

sáng tạo. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, phù hợp, tạo sự đột phá trong ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển KHCN trong bối cảnh cạnh tranh khắc nghiệt như hiện nay.

Thu hút tối đa các nguồn lực nhà nước và xã hội cho phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo; xác định đầu tư cho KHCN, đổi mới sáng tạo là đầu tư cho phát triển; lấy đầu tư công dẫn dắt, thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư cho KHCN. Tạo sự đột phá trong ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp, dịch vụ công. Tạo môi trường học thuật và điều kiện làm việc thuận lợi để sử dụng, trọng dụng và thu hút nhân tài KHCN; phát triển mạng lưới kết nối nhân tài Việt Nam trong nước và nước ngoài.



Thủ tướng và các đại biểu thăm quan gian hàng tại Lễ chào mừng Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 2023.

Các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, mạnh dạn đề xuất, triển khai các chế độ, chính sách đãi ngộ vượt trội cho đội ngũ KHCN; khơi dậy niềm đam mê, khát vọng cống hiến, tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khuyến khích sự dấn thân, dám đối diện với rủi ro trong thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Nghiên cứu, áp dụng cơ chế sử dụng nguồn vốn Nhà nước để đầu tư mạo hiểm cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, mạnh dạn đề xuất, triển khai các chế độ, chính sách đãi ngộ vượt trội cho đội ngũ KHCN; khơi dậy niềm đam mê, khát vọng cống hiến, tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khuyến khích sự dấn thân, dám đối diện với rủi ro trong thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Nghiên cứu, áp dụng cơ chế sử dụng nguồn vốn Nhà nước để đầu tư mạo hiểm cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Các doanh nghiệp cần coi hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo là một trong các yếu tố quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh. Quan tâm, khuyến khích để người lao động không ngừng cải tiến, sáng tạo trong lao động. Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và hấp thụ công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh.

Các cơ quan quản lý, cơ quan nghiên cứu về KHCN, các cơ quan truyền thông tăng cường thời lượng tuyên truyền về các mô hình hoạt động khoa học và công nghệ thành công, các sáng kiến hay được ứng dụng hiệu quả vào sản xuất, kinh doanh để khích lệ, tạo động lực, truyền cảm hứng cho các ý tưởng, sáng kiến phát triển KHCN. Thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần quốc gia học tập, quốc gia khởi nghiệp.

Thủ tướng mong muốn các chuyên gia, nhà khoa học luôn giữ trong mình ngọn lửa nhiệt huyết, say mê, dấn thân vì khoa học, để niềm đam mê này tiếp tục được trao truyền, lan tỏa sang các thế hệ hôm nay và mai sau. Đồng thời, Thủ tướng cũng kêu gọi các doanh nghiệp quan tâm hơn nữa, đẩy mạnh đầu tư toàn diện cho phát triển KHCN, nhất là các lĩnh vực mới phục vụ phát triển xanh, bền vững, thân thiện môi trường.

“Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu từng khẳng định: “Cách mạng xã hội chủ nghĩa gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật, với sự phát triển văn hoá của nhân dân. Tôi tin tưởng rằng, với ý chí, quyết tâm và sự nỗ lực của mình, ngành Khoa học và Công nghệ sẽ vượt qua khó khăn, thách thức, phát huy truyền thống tốt đẹp và kết quả đạt được trong những năm qua để có những đóng góp ngày càng quan trọng, thiết thực, hiệu quả hơn, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng, mang lại ấm no và hạnh phúc cho nhân dân” – Thủ tướng nhấn mạnh và gửi lời chúc mừng tốt đẹp nhất và tri ân những cống hiến của các nhà khoa học, cán bộ quản lý khoa học qua các thời kỳ.

Theo VietQ



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tình hình mới

Thời gian qua cho thấy Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã bộc lộ những bất cập nhất định. Mục tiêu đặt ra là sửa đổi những quy định chưa phù hợp để phù hợp với tình hình mới.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã bộc lộ những bất cập nhất định

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT) ngày 29/6/2006 và Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa (CLSPHH) ngày 21/11/2007 là 02 Luật quan trọng, điều chỉnh về hoạt động xây dựng, công bố và áp dụng tiêu chuẩn, xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; và quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thực tiễn sau hơn 16 năm triển khai thực hiện, 02 Luật trên đã phát sinh một số điểm không còn phù hợp thực tế hiện nay; chính vì vậy, cần thể chế hóa, nội luật hóa các cam kết quốc tế, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do (FTA), tạo khuôn khổ pháp lý cụ thể cho hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT), quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (CLSPHH), đánh giá sự phù hợp (ĐGSPH) của Việt Nam.

Ngày 16/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2114/QĐ-TTg kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm vụ Quốc khóa khóa XV, trong đó giao trách nhiệm cho Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, rà soát Luật (TC&QCKT) ngày 29/6/2006 và Luật (CLSPHH).



Định hướng sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho phù hợp với tình hình mới. Ảnh minh họa

Trong đó Luật TC&QCKT số 68/2006/QH11 được Quốc hội Khóa XI kỳ họp thứ 9 thông qua gồm 07 Chương và 72 Điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 và Luật CLSPHH số 05/2007/QH12 được Quốc hội Khóa XII kỳ họp thứ 2 thông qua gồm 07 Chương và 72 Điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008 đã trở thành cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh các hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cũng như hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.

Về cơ bản, hệ thống các văn bản hướng dẫn 02 luật nêu trên đã được hoàn thiện, góp phần thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển hoạt động chất lượng, quản lý nhà nước về chất lượng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới phương thức quản lý chất lượng theo hướng tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp.

Là hành lang pháp lý quan trọng, tạo sự thống nhất và đồng bộ cho việc triển khai công tác lập kế hoạch, xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn/ban hành quy chuẩn kỹ thuật, cũng như hoạt động áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thực tiễn sản xuất kinh doanh; bảo đảm quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước nhà nước và người tiêu dùng về chất lượng sản phẩm và hàng hóa của mình; bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời xác định trách nhiệm và phân công hợp lý giữa các Bộ, ngành, địa phương.

Tuy nhiên, thực tiễn trong 16 năm thi hành, cùng với việc hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy Luật TC&QCKT và Luật CLSPHH đã bộc lộ những bất cập nhất định. Ví dụ như về chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia, xã hội hoá hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, hoạt động đánh

giá sự phù hợp; về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa dựa trên ứng dụng mã số, mã vạch, kiểm soát viên chất lượng; có sự chồng chéo nhất định giữa các quy định tại các Luật và các văn bản hướng dẫn Luật khác như Luật CLSPHH, Luật Dự trữ quốc gia, Luật An toàn thực phẩm.

Các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật được ban hành rải rác, chưa đảm bảo tính kịp thời. Một số văn bản chậm được xây dựng, hoặc được xây dựng, sửa đổi, bổ sung trong thời gian quá dài, chất lượng văn bản chưa cao, nội dung chưa cụ thể, rõ ràng, minh bạch và thống nhất, dẫn đến cách hiểu khác nhau ... và một số vướng mắc khác.

Từ những hạn chế, khó khăn trong quá trình thực thi, mục tiêu đặt ra là sửa đổi những quy định chưa phù hợp và bổ sung những quy định mới chưa có trong 02 Luật nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, cũng như yêu cầu thực tiễn của xã hội về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường thương mại tự do.

Tại Hội thảo khoa học “Tăng cường, thúc đẩy công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng trong giai đoạn tới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” được tổ chức tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng vừa qua, bà Nguyễn Thị Mai Hương - Vụ trưởng Vụ Đánh giá Hợp chuẩn hợp quy chia sẻ việc định hướng sửa đổi 02 Luật như sau:

Về định hướng sửa đổi Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật:

Bổ sung các quy định về minh bạch hoá; có chính sách tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia là thành viên chính thức của các Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia (vị trí, chức năng, nhiệm vụ); hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) và chỉ số NQI nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai đầy đủ các cam kết quốc tế về yêu cầu minh bạch hoá.

Xây dựng chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia nhằm giải quyết các bất cập trong công tác định hướng, kế hoạch tổng thể, xây dựng và triển khai áp dụng tiêu chuẩn của Việt Nam; nâng cao vai trò, tính dẫn dắt của hoạt động tiêu chuẩn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thúc đẩy xã hội hóa trong hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn thông qua việc xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn; ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để xây dựng thành Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN).

Quy định thống nhất các khái niệm, nguyên tắc hoạt động về ĐGSPH giữa Luật TC&QCKT với Luật CLSPHH; quy định phạm vi, quyền, nghĩa vụ của tổ chức ĐGSPH theo quy định của các FTA thế hệ mới; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng công nhận quốc gia nhằm tăng

cường tính hiệu quả của hoạt động ĐGSPH.

Hoàn thiện quy định liên quan đến xây dựng, công bố TCVN, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP); hiệu quả hoạt động xây dựng, quản lý Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) gồm: Hoàn thiện quy định về nguyên tắc, căn cứ, trình tự xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành, áp dụng TCVN, QCVN, QCDP; quy định về thẩm quyền xây dựng, công bố TCCS; quy định hoạt động thông báo TCCS tới cơ quan nhà nước để phục vụ quản lý, công tác hậu kiểm, truy xuất.

Tạo thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin về TC, QCKT, đồng thời đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn: Chuyển hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn thành định, công bố, ban hoạt động quản lý, thác tiêu chuẩn: Chuyển hoạt động xuất bản, phát hành thành hoạt động quản lý, khai thác tiêu chuẩn, bao gồm cả hoạt động xuất bản, phát hành tiêu chuẩn; tạo cơ chế tiếp cận thông tin về TC, QCKT thuận lợi hơn.

Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của Ban kỹ thuật TCVN, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương; có cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo nhân lực hoạt động trong hoạt động TC, QCKT.

Định hướng sửa đổi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

Quy định về Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI): Các nguyên tắc, biện pháp để tổ chức thực hiện NQI.

Sửa đổi xác định sản phẩm, hàng hóa (SPHH) nhóm 2 và hoạt động kiểm tra chất lượng SPHH: Quy định cụ thể hơn nguyên tắc xác định SPHH nhóm 2 căn cứ trên mức độ rủi ro; quy định rõ cơ chế tiền kiểm, hậu kiểm; quy trình kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu; quy định rõ hơn cơ quan nhà nước thực hiện việc kiểm tra chất lượng hàng hóa và việc thừa nhận kết quả ĐGSPH.

Quy định về quản lý chất lượng SPHH dựa trên ứng dụng mã số mã vạch (MSMV) như ứng dụng MSMV trong việc giám sát, quản lý chất lượng SPHH, giúp cho việc kết nối, thu thập, chia sẻ thông tin về sản phẩm dịch vụ; ứng dụng để truy xuất nguồn gốc, truy tìm nguyên nhân sự cố liên quan đến SPHH, triệu hồi SPHH, quản lý sản xuất, bán hàng, kho bãi, giao nhận vận chuyển.

Sửa đổi, bổ sung nội dung về hoạt động ĐGSPH như thay đổi cách thức quản lý các tổ chức ĐGSPH cho phù hợp với thực tế và hội nhập quốc tế; quy định về chỉ định tổ chức ĐGSPH theo hướng thừa nhận kết quả đánh giá chỉ định của các Bộ, kết quả công nhận của tổ chức công nhận; bổ sung quy định giao Bộ KH&CN quản lý hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá, thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá công nhận,, chuyên gia năng suất chất lượng.

Sửa đổi, bổ sung nội dung về kiểm soát viên chất lượng: Hình thành lực lượng kiểm soát viên chất lượng chính quy, chuyên nghiệp, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra; bổ sung thêm vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cho lực lượng kiểm soát viên chất lượng (chế độ, chính sách cho lực lượng này và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính).

Quy định về Hợp pháp hóa lãnh sự, khái niệm Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, khái niệm kiểm tra/xác minh, quy định về phí thực hiện ĐGSPH; quy định về giải quyết khiếu nại liên quan đến hoạt động ĐGSPH nhằm thực thi các cam kết trong Hiệp định Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay và thông lệ quốc tế: Bổ sung cơ chế, chính sách về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; quy định về đấu hợp quy và công bố hợp chuẩn; quy định trách nhiệm của các Bộ quản lý chuyên ngành về chất lượng SPHH; bỏ quy định về phí và lệ phí, sửa quy định về xử lý vi phạm; chỉnh sửa, bổ sung quy định làm rõ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, ghi nhãn bằng phương thức điện tử, xác định giá trị SPHH vi phạm đã tiêu thụ, quy định về quản lý chất lượng hàng hóa trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

Tóm lại, việc sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế; từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng, thay đổi tư duy, nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Nguồn: VietQ.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Chuyển đổi số ngành TCĐLCL: Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi

Với những quy định hiện hành, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) hiện đang xây dựng Đề án Chuyển đổi số trong ngành TCĐLCL, đây là nhiệm vụ quan trọng và khó khăn, vì khi chuyển sang phương thức làm việc mới đòi hỏi phải thay đổi về văn bản quy phạm pháp luật, thay đổi về nhận thức, phương thức làm việc.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực là xu thế tất yếu tại Việt Nam, trong đó ngành TCĐLCL cũng không ngoại lệ. Có thể nói, trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, ngành TCĐLCL đã có những đóng góp lớn lao cho sự phát triển kinh tế – xã hội đất nước. Khi bước vào công cuộc chuyển đổi số, ngành TCĐLCL đã nhanh chóng triển khai và xây dựng Đề án chuyển đổi số nhằm thúc đẩy hoạt động này.



Chứng nhận sản phẩm ống thép mạ kẽm. Ảnh: Quacert.

Cơ sở triển khai chuyển đổi số ngành TCDLCL

Theo TS. Hà Minh Hiệp – Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục TCDLCL, cơ sở triển khai hoạt động chuyển đổi số ngành TCDLCL được thể hiện tại một số văn bản như sau:

Thứ nhất, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tại Nghị quyết này, Bộ Chính trị xác định đây là nhiệm vụ lớn, cấp thiết trong xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số là thành tố không thể tách rời trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây là cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện một số chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, trong đó, cơ sở hạ tầng số, dữ liệu số, công nghệ số được xây dựng khá đồng bộ.

Thứ hai, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Hai quyết định này đã khẳng định, Chính phủ số là chuyển đổi cách thức phục vụ người dân, doanh nghiệp giảm chi phí, tăng năng suất doanh nghiệp, tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng của người dân, để người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội. Chính phủ số chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình.

Thứ ba, Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 cũng nêu rõ “Xây dựng chỉ số Hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ”. Bộ KH&CN đã khẩn trương chỉ đạo các đơn vị xây dựng các Chiến lược, Đề án, nhiệm vụ khoa học công nghệ để sớm trình Thủ tướng phê duyệt và áp dụng, trong đó có Đề án Chuyển đổi số ngành TCDLCL.

Thứ tư, Thông báo số 253/TB-VPCP ngày 20/8/2022 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận Phiên họp thứ ba của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ngày 08/8/2022 về việc xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành TCDLCL, Bộ KH&CN đã khẩn trương, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện xây dựng Đề án Chuyển đổi số ngành TCDLCL đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

Xây dựng Đề án Chuyển đổi số

Với những quy định hiện hành, Tổng cục hiện đang xây dựng Đề án Chuyển đổi số trong ngành TCDLCL, đây là nhiệm vụ quan trọng và khó

khẩn, vì khi chuyển sang phương thức làm việc mới đòi hỏi phải thay đổi về văn bản quy phạm pháp luật, nhận thức, phương thức làm việc. Cụ thể, Đề án sẽ tập trung triển khai một số nền tảng dịch vụ như: Nền tảng thông tin đám mây số ngành TCĐLCL (Icloud – Standards, Metrology And Quality (iSTAMEQ)). Nền tảng này cho phép cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên môi trường số, tăng cường chia sẻ, kết nối, tiếp nhận thông tin, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Nền tảng tác nghiệp số chuyên ngành về TCĐLCL để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Các ứng dụng công nghệ số trên thiết bị công nghệ thông minh (nền tảng dịch vụ số: nhận mẫu, thử nghiệm, đo lường, chứng nhận, quản lý chất lượng, kho mẫu, thiết bị, chứng nhận phù hợp, kiểm định, quản lý hệ thống, chứng chỉ số, hồ sơ thử nghiệm, giám định, văn phòng số...), cho phép công chức, viên chức và người lao động có môi trường làm việc hiện đại. Đồng thời, người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng dịch vụ số ngành TCĐLCL mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt, để tạo thuận lợi, minh bạch hai chiều đảm bảo quyền của người tiêu dùng, nhà sản xuất, người dân và doanh nghiệp khi sử dụng thiết bị công nghệ hoặc điện thoại thông minh có thể đối chiếu/tìm kiếm thông tin (tích hợp các giấy phép) trên một sản phẩm hợp pháp do các cơ quan ngành TCĐLCL cấp phép.

Nền tảng tích hợp dữ liệu số toàn ngành TCĐLCL theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền đảm bảo khai thác phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Nền tảng số về phân tích, thống kê, báo cáo chuyên ngành; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của các Bộ, ngành và địa phương nhanh chóng, kịp thời hỗ trợ việc ra quyết định dựa trên dữ liệu số ngành TCĐLCL. Phát triển và ứng dụng hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối hệ thống thông tin của quốc gia, Bộ, ngành, địa phương. Nghiên cứu, xây dựng, phát triển công nghệ số như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội,... trong chuyển đổi số ngành TCĐLCL, có khả năng khai thác các giá trị dữ liệu chuyên ngành cũng như tự động thay thế con người thực hiện nhiều nhiệm vụ nhanh hơn, thông minh hơn trong hoạt động ngành TCĐLCL trong tương lai.

Nguồn: tcvn.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Triển khai áp dụng thí điểm Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Sáng 23/3/2023, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Hải Phòng đã tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 28/02/2023 (Kế hoạch) của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố về áp dụng thí điểm tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 tại UBND quận, huyện, phường, xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Đồng chí Trần Quang Tuấn, Giám đốc Sở KH&CN chủ trì Hội nghị. Tới dự có Tiến sĩ Hà Minh Hiệp, Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – Bộ KH&CN cùng đại diện lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.



*Phó Tổng cục trưởng Phụ trách Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Hà Minh Hiệp phát biểu tại Hội nghị*

Theo Kế hoạch, tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 được áp dụng thí điểm tại 06 đơn vị UBND quận, huyện (quận Hải An, quận Hồng Bàng, quận Ngô Quyền, huyện Tiên Lãng, huyện Thủy Nguyên, huyện Kiến Thụy) và 06 UBND xã, phường (phường Đằng Lâm, phường Hoàng Văn Thụ, phường Cầu Tre, xã Tự Cường, xã Thủy Sơn, xã Du Lễ) từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Phụ trách Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Minh Hiệp đã nhấn mạnh: Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 cung cấp cho các chính quyền địa phương một khung pháp lý và phương pháp để đo lường, đánh giá khả năng quản lý của chính quyền địa phương thông qua 39 chỉ số được chia thành 4 nhóm chủ đề chính (1) xây dựng thể chế điều hành tốt; (2) phát triển kinh tế bền vững; (3) phát triển xã hội toàn diện; (4) phát triển môi trường bền vững, từ đó đưa ra những cải tiến và cải thiện trong hoạt động của chính quyền địa phương. Tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 là nền tảng để xây dựng, phát triển thành phố thông minh theo tiêu chuẩn TCVN ISO 37120:2018 *Phát triển bền vững cho cộng đồng – Các chỉ số về dịch vụ và chất lượng sống đô thị*, TCVN ISO 37122:2020 *Cộng đồng và đô thị bền vững – Các chỉ số cho đô thị thông minh*.



Cũng tại Hội nghị, Giám đốc Sở KH&CN Trần Quang Tuấn cũng đã nêu Hải Phòng là địa phương đi đầu trong cả nước áp dụng thí điểm tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 vào hoạt động của chính quyền địa phương, kết quả áp dụng thí điểm được xem xét áp dụng trên phạm vi toàn thành phố; đồng thời làm cơ sở, căn cứ để Bộ KH&CN nghiên cứu, báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ triển khai trên phạm vi cả nước.

Tại Hội nghị, các ý kiến của đại biểu đại diện Sở, ngành, địa phương trao đổi, làm rõ vai trò tham gia của các bên liên quan, kết quả cần thực hiện theo từng giai đoạn trong quá trình triển khai cụ thể... Việc áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 vào hoạt động tại UBND cấp huyện và cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng góp phần giải quyết các vấn đề tồn tại, hạn chế của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 được áp dụng trước đó, hướng tới việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hành chính công chất lượng tốt, đem lại sự hài lòng cao đối với người dân, doanh nghiệp, góp phần phát triển xã hội toàn diện và môi trường bền vững tại địa phương./.

Nguồn: tcvn.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tăng cường khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường

Việc khảo sát nhằm phát hiện hàng hóa có dấu hiệu không bảo đảm chất lượng để xây dựng kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và thông tin cảnh báo theo quy định.

Phát hiện nhiều sản phẩm, hàng hoá vi phạm

Theo Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm hàng hoá (Tổng cục TCĐLCL), thực hiện Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007, các bộ, ngành, địa phương đã triển khai công tác kiểm tra/thanh tra theo quy định; ban hành, tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai và đã đạt được kết quả cao trong thời gian qua, diễn biến tình hình về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường tương đối ổn định... Tuy nhiên tình hình chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường ngày càng phức tạp, hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh, trên thị trường vẫn tồn tại các hàng hóa không bảo đảm chất lượng, không bảo đảm việc ghi nhãn hàng hóa theo quy định... Do đó, cần tăng cường công tác khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Mục đích của việc khảo sát là để nắm bắt thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, internet...); nắm bắt thông tin từ người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân... làm cơ sở để xây dựng kế hoạch kiểm tra, khảo sát trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường; Khảo sát để đánh giá tình hình chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường để đưa ra/đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp; Khảo sát để thông tin cảnh báo cho người tiêu dùng, các tổ chức, cá nhân có liên quan; làm căn cứ kiểm tra đột xuất trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường hoặc gửi thông tin cho các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tiến hành kiểm tra trong sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Việc khảo sát có thể được tiến hành theo nhiều phương thức. Một là, khảo sát thông tin từ các tổ chức công nhận, tổ chức đánh giá sự phù hợp, thử nghiệm... về hàng hóa không bảo đảm chất lượng. Ưu điểm của phương pháp này là có thể tiến hành kiểm tra ngay trong sản xuất, nhập khẩu và có thể tiến hành kiểm tra, rà soát trong lưu thông để xử lý triệt để các sai phạm.

Hai là tiến hành khảo sát online. Khảo sát thông tin phản ánh về chất lượng từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hội, hiệp hội, báo chí, phương tiện thông tin đại chúng; khảo sát các thông tin về chất lượng hàng hóa từ các trang thương mại điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử... Việc khảo sát online có ưu điểm là dễ tiến hành rộng rãi mà không mất nhiều thời gian, kinh phí. Tuy nhiên khảo sát online không nhìn, kiểm tra trực tiếp được hàng hóa, bao bì hàng hóa để đánh giá nhãn hàng hoá một cách chính xác so với khảo sát trực tiếp. Mặt khác, các cơ sở thường chỉ đưa hình ảnh hàng hóa, chứ không có nhãn hàng hóa, mà nhãn hàng hoá nhiều khi được gắn trên bao bì chứa đựng hàng hóa...

Ba là, khảo sát trực tiếp tại cơ sở. Việc khảo sát trực tiếp tại cơ sở có thành lập đoàn khảo sát bằng quyết định khảo sát có ưu điểm là xác định được đầy đủ thông tin cần thiết về hàng hóa để tiến hành các bước tiếp theo như thông tin cảnh báo, làm căn cứ kiểm tra trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường... Tuy nhiên việc khảo sát trực tiếp tại cơ sở có thành lập đoàn khảo sát bằng quyết định khảo sát sẽ phát sinh chi phí lớn bao gồm công tác phí, mua mẫu, thử nghiệm...

Trong hình thức khảo sát trực tiếp tại cơ sở có phương pháp khảo sát với vai trò người tiêu dùng. Việc khảo sát với vai trò người tiêu dùng phát sinh ít chi phí hơn so với khảo sát trực tiếp tại cơ sở có thành lập đoàn khảo sát bằng quyết định khảo sát, có nhiều thông tin hơn so với việc khảo sát online. Tuy nhiên, thông tin vẫn không đầy đủ để kết luận về sự phù hợp của hàng hóa được khảo sát so với quy định của pháp luật (không xác định được số lượng hàng hóa, khó xem xét được bao bì hàng hóa, cơ sở tỏ rõ thái độ không thiện trí khi xem nhiều mẫu mã, bao bì mà không mua hàng...). Do đó, để tiến hành các bước tiếp theo vẫn phải tiến hành kiểm tra trong lưu thông trước.



Cục Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (Tổng cục TCDLCL) phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra đại lý xăng dầu Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Bàn Phụng.

Cũng theo báo cáo của Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm hàng hoá, về kết quả khảo sát online do Cục tiến hành trong giai đoạn 2018 đến nay, đã có 289 cơ sở được khảo sát, số mẫu được khảo sát về nhãn hàng hóa là 746 mẫu. Trong đó, số mẫu đạt về ghi nhãn là 268/746 mẫu (chiếm ~ 36%); số mẫu chưa đánh giá được là 216/746 mẫu (chiếm ~29%); Số mẫu không thấy ghi nhãn là 262/746 mẫu (chiếm ~35%).

Qua khảo sát online các mặt hàng thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN cho thấy trên mạng internet có rất nhiều hãng kinh doanh khác nhau và sự đa dạng về chủng loại hàng hoá. Phần lớn cơ sở chưa truyền tải toàn bộ thông tin về sản phẩm, hàng hóa lên website bán hàng nên việc khảo sát online khó để xác định nhãn có đúng, đủ theo quy định của pháp luật hay không. Những cơ sở truyền tải đầy đủ thông tin và đáp ứng yêu cầu về ghi nhãn hàng hóa theo quy định chỉ chiếm số lượng nhỏ.

Kết quả khảo sát trực tiếp tại cơ sở giai đoạn 2018 đến nay, số cơ sở được khảo sát là 113 cơ sở. Tổng số mẫu được khảo sát là 369 mẫu, trong đó 59 mẫu khảo sát về chất lượng (test nhanh), 310 mẫu khảo sát về nhãn hàng hóa. Kết quả cho thấy, 23/59 mẫu có nghi ngờ về chất lượng.

Đối với những trường hợp này, Cục đã tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định. 47/310 mẫu nghi ngờ không đạt về ghi nhãn, Cục đã tiến hành kiểm tra hoặc chuyển thông tin để Chi cục TCDLCL các tỉnh, thành phố tiến hành kiểm tra theo quy định. Việc khảo sát mới chỉ tập trung vào các hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN để làm căn cứ kiểm tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm.

Tăng cường công tác khảo sát

Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm hàng hoá cũng đề xuất, trong thời gian tới, để đẩy mạnh công tác khảo sát, kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, trong sản xuất, nhập khẩu các mặt hàng thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các bộ, ngành, địa phương cần cập nhật và công khai thông tin về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh... làm căn cứ xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Tổng cục TCDLCL chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại địa phương cần tăng cường công tác khảo sát chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường để nắm bắt, đánh giá về tình hình chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, làm cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp; tiến hành kiểm tra hoặc chuyển thông tin về các hàng hóa có dấu hiệu vi phạm tới các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để xem xét, tiến hành

kiểm tra, xử lý theo quy định.

Tăng cường nắm bắt thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin từ các tổ chức công nhận, tổ chức đánh giá sự phù hợp, thử nghiệm về hàng hóa không bảo đảm chất lượng; thông tin từ các tổ chức cá nhân khác về hàng hóa không bảo đảm chất lượng lưu thông trên thị trường để làm căn cứ kiểm tra đột xuất theo quy định.

Đối với hoạt động thương mại điện tử: các cơ quan quản lý cần xem xét quy định việc truyền tải các thông tin về nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, hợp quy của hàng hóa lên các website bán hàng để người tiêu dùng có thể xem xét đầy đủ thông tin trước khi quyết định mua hàng...có chế tài xử lý đủ sức răn đe đối với hành vi không công khai tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân bán hàng.

Tăng cường kinh phí cho các cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương, trung ương để tiến hành mua mẫu khảo sát, thử nghiệm đánh giá chất lượng khi phát hiện các dấu hiệu không bảo đảm chất lượng; Các trung tâm kỹ thuật thuộc Tổng cục TCĐLCL hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu khảo sát cho Cục.

Theo VietQ



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT
LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử

Ngày 30/12/2022, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 18/2022/TT-BKHCN quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2023.

1. Về nội dung cơ bản của Thông tư

Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa; Cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan.

Theo đó, Thông tư quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc có thể hiện trên nhãn hàng hóa có thể thực hiện bằng phương thức điện tử của 27 nhóm hàng hóa (từ mục 25 đến mục 38; mục 40, 44, 50, 51, 52, 53 và mục 58 đến mục 64 quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP). Đối với các nhóm hàng hóa còn lại quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP và các nội dung khác không thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng ghi nhãn bằng phương thức điện tử theo quy định tại Thông tư này.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa được lựa chọn ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử hoặc lựa chọn ghi trên nhãn hàng hóa gắn trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc ghi trong tài liệu kèm theo của hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa khi có thể hiện nội dung ghi nhãn theo phương thức điện tử quy định tại Thông tư này đảm bảo các yêu cầu sau: Phương thức điện tử được xác định đường dẫn trên nhãn hàng hóa; Bảo đảm phương tiện, thiết bị và/hoặc hướng dẫn khách hàng truy cập nội dung quy định bằng phương thức điện tử của hàng nhãn hóa tại chỗ; Nội

dung có thể hiển thị bằng phương thức điện tử phải tương ứng với nội dung có thể hiển thị trên nhãn trực tiếp, không làm cho người đọc, xem, nghe hiểu sai bản chất của hàng hóa.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử. Tổng cục TĐC đang dự thảo Kế hoạch triển khai Thông tư số 18/2022/TT-BKHCN. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tập huấn, hướng dẫn thực hiện Thông tư số 18/2022/TT-BKHCN.

2. Về tổ chức triển khai Thông tư

Ngày 28/3/2023 Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 525/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Thông tư số 18/2022/TT-BKHCN, cụ thể hóa những nhiệm vụ cần thực hiện sau khi thông tư ban hành và có hiệu lực. Đặc biệt chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức thống nhất thực hiện văn bản một cách hiệu quả.

Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa cũng đã phối hợp với Chi cục TĐC Bà Rịa - Vũng Tàu, tổ chức triển khai tập huấn nội dung dự thảo Thông tư 18 cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thường xuyên hướng dẫn bằng văn bản theo thẩm quyền được giao khi có vướng mắc từ phía các doanh nghiệp đối với các nội dung liên quan đến nhãn hàng hóa nói chung và ghi nhãn theo phương thức điện tử nói riêng.

Thông tư số 18/2012/TT-BKHCN đã có hiệu lực được 2 tháng, nội dung Thông tư được đánh giá tích cực từ phía các doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý. Thông tư đưa ra những quy định phù hợp với xu thế chung trước sự phát triển của nền kinh tế số, giúp các doanh nghiệp từng bước điện tử hóa việc ghi nhãn hàng hóa, giảm thiểu chi phí in ấn nhãn giấy theo phương thức truyền thống, thông tư cũng đưa ra những quy định quản lý phù hợp, và luôn đảm bảo quyền lợi được cung cấp thông tin về hàng hóa của người tiêu dùng trước khi quyết định lựa chọn sản phẩm, hàng hóa.

Nguồn: Cục QLCL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tiêu chuẩn hóa giúp doanh nghiệp xác định được chuẩn mực hoạt động sản xuất kinh doanh

Khi hoạt động tiêu chuẩn hoá được đẩy mạnh, doanh nghiệp sẽ xác định được chuẩn mực của hoạt động sản xuất kinh doanh, xác định chất lượng sản phẩm thông qua tiêu chuẩn cụ thể. Từ đó, xác định rõ và có phương pháp cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến cách thức tạo ra sản phẩm chất lượng. Để làm được điều này cần lấy tiêu chuẩn làm cơ sở đối chiếu, so sánh.



Tiêu chuẩn hóa giúp doanh nghiệp xác định chuẩn mực hoạt động sản xuất kinh doanh. Ảnh minh họa.

Mục tiêu chung của Chiến lược tiêu chuẩn hóa

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc xây dựng Chiến lược Tiêu chuẩn

hóa quốc gia đến năm 2030 của Việt Nam là vô cùng cần thiết, phù hợp với xu hướng toàn cầu. Theo đó, mục tiêu của Chiến lược là đưa tiêu chuẩn hóa trở thành một biện pháp kỹ thuật, là công cụ đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội, thông qua việc tăng cường năng lực quản lý của các bộ ngành, địa phương; hỗ trợ các sản phẩm của Việt Nam đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế gắn với các mục tiêu phát triển bền vững trên cơ sở thực hành có trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thuộc các loại hình kinh tế khác nhau (bao gồm các tiêu chuẩn thực hành về trách nhiệm xã hội tích hợp với yêu cầu về trách nhiệm xã hội trong các tiêu chuẩn đặc thù);

Tập trung nguồn lực thúc đẩy nghiên cứu và phát triển tiêu chuẩn quốc gia gắn với hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy xã hội hóa trong hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Phát triển và chuẩn hóa nguồn nhân lực về tiêu chuẩn hóa nhằm nâng cao năng lực xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn đối với các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Nâng cao hiệu quả hoạt động của ban kỹ thuật TCVN, ban biên soạn. Hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút đào tạo nhân lực trong hoạt động tiêu chuẩn hóa;

Nâng cao vị thế của Việt Nam tại các tổ chức, diễn đàn tiêu chuẩn hóa khu vực và quốc tế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và uy tín cũng như sức cạnh tranh của các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, triển khai đầy đủ, đồng bộ các cam kết quốc tế về tiêu chuẩn hóa và minh bạch hóa...

Tiêu chuẩn hoá mang đến cả cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp

Nhấn mạnh vai trò của Chiến lược Tiêu chuẩn hóa đối với doanh nghiệp, ông Phùng Mạnh Trường - Phó Viện trưởng phụ trách Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) cho biết, tiêu chuẩn hoá mang đến cả cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, dù là cơ hội hay thách thức chúng ta nên đón nhận ở khía cạnh tích cực.

Trước tiên về mặt cơ hội, một là, khi hoạt động tiêu chuẩn hoá được đẩy mạnh, doanh nghiệp sẽ xác định được chuẩn mực của hoạt động sản xuất kinh doanh, xác định chất lượng sản phẩm thông qua tiêu chuẩn cụ thể. Từ đó, xác định rõ và có phương pháp cải tiến quy trình sản xuất, cải tiến cách thức tạo ra sản phẩm chất lượng. Để làm được điều này cần lấy tiêu chuẩn làm cơ sở đối chiếu, so sánh.

Hai là, doanh nghiệp cũng có khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, gia tăng khả năng mở rộng thị trường (bằng cách phát triển sản phẩm mới với chất lượng ngày càng tốt hơn), thâm nhập các thị trường trên thế giới.

Ba là, thông qua tiêu chuẩn hoá, doanh nghiệp còn giảm được chi phí sai lỗi, nâng cao chất lượng quy trình, chất lượng sản phẩm hàng hoá, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động.

Bốn là, doanh nghiệp thông qua tiêu chuẩn hoá có khả năng nâng cao năng lực quản lý, quản trị, điều hành. Đây cũng là điều mà nhiều doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang chú trọng.

Năm là, thông qua quá trình xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, doanh nghiệp sẽ có định hướng để đầu tư nguồn lực phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống máy móc, phòng thử nghiệm, phát triển sản phẩm, hệ thống điều hành doanh nghiệp.

Về mặt thách thức, ông Trường cho rằng, trong bối cảnh vai trò của tiêu chuẩn ngày càng được chú trọng ở cấp độ doanh nghiệp, tiêu chuẩn hoá cũng tạo ra môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Doanh nghiệp nào nắm bắt được cơ hội, xu hướng đổi mới thì sẽ có khả năng nâng cao vị thế trên thị trường. Xu hướng tiêu chuẩn hoá cũng khiến doanh nghiệp bắt buộc phải có những đầu tư để đáp ứng yêu cầu từ các tiêu chuẩn về sản phẩm hàng hoá, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Ra tới sân chơi lớn cuộc cạnh tranh sẽ là sòng phẳng, ai bắt kịp xu hướng sẽ thành công, còn không sẽ là thách thức.

TS. Hà Minh Hiệp – Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục TCDLCL khẳng định, Chiến lược Tiêu chuẩn hóa quốc gia đến năm 2030 do Tổng cục TCDLCL xây dựng dự thảo nếu được ban hành sẽ góp phần thúc đẩy hình thành mô hình quản lý hoạt động tiêu chuẩn một cách toàn diện, nâng cao hiệu quả hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, nâng cao trình độ quốc tế hóa tiêu chuẩn, đồng thời đẩy nhanh quá trình hình thành hệ thống tiêu chuẩn quốc gia nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu thị trường đang thay đổi không ngừng và nhanh chóng, đảm bảo các yêu cầu đặt ra tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Chính phủ.

Nguồn: VietQ.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Xây dựng tiêu chuẩn mới về sản phẩm cách nhiệt

Ủy ban tiêu chuẩn quốc tế ASTM đang thực hiện xây dựng một bộ tiêu chuẩn mới liên quan đến sản phẩm cách nhiệt.

Ủy ban cách nhiệt của ASTM International (C16) đã phê duyệt một tiêu chuẩn mới sẽ hỗ trợ phát triển các sản phẩm cách nhiệt mới. Tiêu chuẩn mới (C1919) đề cập đến phép đo các đặc tính truyền nhiệt ở trạng thái ổn định của các mẫu cách nhiệt tấm phẳng nhỏ sử dụng thiết bị đo lưu lượng nhiệt.

Thành viên của Ủy ban ASTM, ông Phalguni Mukhopadhyaya nói rằng, ngoài việc được sử dụng trong quá trình phát triển sản phẩm, tiêu chuẩn mới sẽ hữu ích khi không thể thu thập các mẫu cách điện lớn hơn trong quá trình kiểm tra pháp y, chẳng hạn như phân tích lỗi.



Tiêu chuẩn mới giúp thiết bị đo lưu lượng nhiệt chính xác

Ông Mukhopadhyaya cho biết: “Các nhà sản xuất, nhà nghiên cứu và phòng thí nghiệm điều tra pháp y sẽ thấy tiêu chuẩn mới hữu ích. Ông cũng lưu ý rằng C1919 được sử dụng cùng với phương pháp thử nghiệm của ASTM đối với các đặc tính truyền nhiệt ở trạng thái ổn định bằng thiết bị đo lưu lượng nhiệt (C518).

Tại Việt Nam, liên quan đến sản phẩm cách nhiệt, Bộ Xây dựng và Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố bộ Tiêu chuẩn kỹ thuật TCVN 7950:2008 Vật liệu cách nhiệt - Vật liệu canxi Silicat. Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm cách nhiệt canxi silicat sử dụng trong xây dựng và thiết bị công nghiệp.

Vật liệu cách nhiệt canxi silicat là vật liệu có khối lượng thể tích thấp, chủ yếu là khoáng hydrat canxi silicat tạo thành bằng phản ứng thủy nhiệt của hồ chứa canxi oxit và silic oxit.

Liên quan đến tiêu chuẩn này là các tài liệu viện dẫn đi kèm:

TCVN 6530-5:2008 Vật liệu chịu lửa – Phương pháp thử – Phần 5: Xác định độ co, nở phụ sau khi nung.

TCVN 7949-1:2008 Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình – Phương pháp thử – Phần 1: Xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực.

TCVN 7949-2:2008 Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình – Phương pháp thử – Phần 2: Xác định độ bền nén nhiệt độ thường.

ISO 8320:1991 Xác định độ dẫn nhiệt bằng phương pháp tấm phẳng.

Nguồn: VietQ.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

8 bước cơ bản để doanh nghiệp nâng cao năng suất khi áp dụng công cụ NSCL

Theo chuyên gia Viện Năng suất Việt Nam, với doanh nghiệp nhất là những đơn vị nhỏ và lần đầu áp dụng công cụ tăng năng suất chất lượng cần có lộ trình phù hợp. Do vậy, để áp dụng thành công doanh nghiệp nên thực hiện theo 8 bước cơ bản. Các công cụ năng suất chất lượng (NSCL) áp dụng trong doanh nghiệp đều nhằm giải quyết các vấn đề về lãng phí, ô nhiễm, rủi ro... Vậy nên, doanh nghiệp khi nhận thấy đơn vị mình đang thiếu, yếu, kém ở mảng nào có thể áp dụng công cụ phù hợp để loại bỏ các vấn đề yếu kém.

Mỗi công cụ thường được áp dụng theo 8 bước cơ bản. Theo đó, với bước đầu tiên, doanh nghiệp cần đánh giá sơ bộ công cụ NSCL. Mục đích của bước này là xem xét điều kiện hiện có của doanh nghiệp, hiện trạng về việc áp dụng công cụ NSCL, đội ngũ cán bộ công nhân viên hiện có, các vấn đề chưa giải quyết được. Ghi nhận lại các số liệu hiện tại để làm mức so sánh trước và sau khi áp dụng công cụ NSCL.



Mỗi công cụ NSCL sẽ mang lại cho doanh nghiệp những ích lợi khác nhau trong tăng năng suất và hạn chế rủi ro.

Các số liệu thu thập có thể bao gồm tỷ lệ phế phẩm, năng suất lao động, tỷ lệ khiếu nại của khách hàng, cách tiết kiệm chi phí sản xuất... và thông tin khác. Các thông tin này được ghi nhận trong phiếu đánh giá sơ bộ doanh nghiệp. Bước này cũng có thể tích hợp cùng đánh giá hiện trạng của doanh nghiệp. Các kết quả đánh giá sẽ được ghi lại và làm cơ sở để lập báo cáo đánh giá sơ bộ doanh nghiệp.

Bước 2, doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch áp dụng công cụ NSCL dựa vào hiện trạng của doanh nghiệp trong báo cáo đánh giá sơ bộ, lập kế hoạch áp dụng công cụ NSCL (tích hợp với kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý). Các kế hoạch bao gồm nội dung cần thực hiện để áp dụng công cụ NSCL, người chịu trách nhiệm, thời gian hoàn thành cũng như các kết quả cần đạt được. Thành lập nhóm năng suất (hay nhóm cải tiến theo lựa chọn của doanh nghiệp). Nhóm này được thành lập theo quyết định thành lập Ban ISO Năng suất.

Bước 3, việc đào tạo nhóm có thể kết hợp lúc đang đào tạo hệ thống quản lý tích hợp hoặc sau khi đào tạo, điều này tùy thuộc vào năng lực của cán bộ, nhân viên và sắp xếp thời gian theo tiến độ sản xuất của doanh nghiệp. Nội dung đào tạo bao gồm: Các khái niệm về công cụ NSCL; Nội dung công cụ NSCL; Quy trình thực hành một công cụ; Bài tập thực hành công cụ NSCL.

Bước 4, hướng dẫn áp dụng công cụ NSCL. Tại doanh nghiệp, cùng với nhóm Năng suất chọn đề tài theo các tiêu chí đơn giản, dễ làm, ít tốn chi phí và mang lại hiệu quả cao. Có thể sử dụng ma trận chọn lựa để chọn đề tài sao cho ít mâu thuẫn nhất trong nhóm và có sự đồng thuận cao của thành viên. Phân tích hiện trạng, lấy số liệu trong đợt đánh giá sơ bộ, nếu chưa đủ, nhóm có thể đến bộ phận liên quan đề tài thu thập thêm để có đủ cơ sở biết được hiện trạng của vấn đề. Các số liệu thu thập liên quan đến nội dung trong phần đánh giá sơ bộ.

Đặt mục tiêu, các mục tiêu này cần có giá trị tốt hơn mức đang có. Đánh giá lợi ích đạt được khi nhóm đạt được mục tiêu để nhóm có động lực thực hiện đề tài. Phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp. Để giải quyết được một vấn đề, cần có giải pháp tương ứng. Tuy nhiên để có được giải pháp khả thi, cần phân tích nguyên nhân làm cho vấn đề chưa đạt như mong muốn.

Bước 5, đào tạo đánh giá công cụ NSCL. Việc đào tạo đánh giá cũng như các kỹ năng thực hành đánh giá thường tích hợp trong khóa đào tạo đánh giá nội bộ và được người đứng đầu doanh nghiệp thực hiện một cách nghiêm túc, nghiêm khắc.

Bước 6, Ban Năng suất chất lượng sẽ lập kế hoạch đánh giá nội bộ công cụ NSCL và hệ thống cùng lúc. Các đánh giá về quy trình thực hiện đề tài NSCL sẽ giúp nhóm năng suất điều chỉnh hoạt động thực hiện đề tài của nhóm theo đúng định hướng và mục tiêu của đề tài. Sau quá trình đánh giá nội bộ, kết quả đánh giá sẽ được trình cho Ban Năng suất chất lượng xem xét hỗ trợ thêm nguồn lực thực hiện đề tài hoặc điều chỉnh hướng thực hiện.



Theo chuyên gia Viện Năng suất Việt Nam, với 8 bước cơ bản doanh nghiệp có thể tự tin áp dụng công cụ để nâng cao NSCL.

Bước 7, nhóm Năng suất so sánh mức độ thực hành công cụ NSCL trước và sau, đánh giá kết quả so với mục tiêu đặt ra ban đầu. Hiệu quả thực hiện đề tài được tính thông qua tỷ lệ phần trăm tăng hoặc giảm sau khi thực hiện đề tài. Các hình ảnh thể hiện trước và sau được đưa vào phần báo cáo để chứng minh sự thay đổi. Phần đánh giá này có thể kết hợp với việc đánh giá mục tiêu thực hiện trong hệ thống IMS.

Cuối cùng, cải tiến năng suất vòng tiếp theo. Sau khi thực hiện thành công một đề tài, có thể tiêu chuẩn hóa các tài liệu và tài liệu đó trở thành tài liệu của hệ thống quản lý tích hợp. Nhóm Năng suất không dừng ở đó mà tiếp tục thực hiện các đề tài tiếp theo nhằm giải quyết vấn đề còn tồn đọng trong quá trình sản xuất. Nhóm có thể tiếp tục thực hiện đề tài này với mục tiêu cao hơn. Một phiếu đề xuất thực hiện công cụ NSCL mới được phát hành để nhóm thực hiện đề tài mới.

Nguồn: Theo VietQ



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Làm thế nào để tăng năng suất trong ngành sản xuất và chế biến gỗ?

Trong những năm gần đây, ngành gỗ của Việt Nam đang có những bước tiến lớn trong chế biến và xuất khẩu. Tuy nhiên, kinh tế thế giới biến động không ngừng, các doanh nghiệp ngành gỗ cần liên tục thích ứng và đổi mới các giải pháp nâng cao năng suất, trình độ quản trị và thay đổi tư duy phát triển thị trường.

Do vậy, ngành gỗ cần có những định hướng trong nhận thức để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đưa sản phẩm đến với những thị trường xuất khẩu khó tính.

Theo chuyên gia để tăng năng suất trong lĩnh vực nội thất và ngoại thất, ngành gỗ cần phải tiếp tục có những chiến lược mới. Năng suất chính là mục tiêu mà các doanh nghiệp sản xuất và chế biến gỗ hướng đến. Nó hoàn toàn liên quan đến phần trăm lợi nhuận của đơn hàng xuất khẩu nội ngoại thất và sản phẩm gỗ trong ngành công nghiệp chế biến gỗ. Vận mệnh của một doanh nghiệp cuối cùng phụ thuộc vào chất lượng sản phẩm và năng suất. Nhiều người quan niệm về năng suất như một thực thể tách biệt với chất lượng, nhưng thực tế, năng suất thực sự luôn bao gồm chất lượng. Vậy nên, sẽ không có ý nghĩa nếu của năng suất cao trong khi sản phẩm hoặc dịch vụ sản xuất có chất lượng không như kì vọng.

Với ngành gỗ, các sản phẩm nếu đường cắt trên gỗ không thẳng, làm tấm gỗ bị xước; cạnh tấm xuất hiện tình trạng xém cháy; nứt do bắn đinh; cong vênh; cắt thừa kích thước; lãng phí thời gian vận chuyển giữa các công đoạn điều này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng. Và chắc chắn khi áp dụng các mô hình, công cụ nâng cao năng suất sẽ giúp doanh nghiệp khắc phục và hạn chế được những nhược điểm trên.

Bên cạnh đó, năng suất được ví như các hoạt động liên quan đến bộ phận sản xuất. Năng suất liên quan đến tất cả các hoạt động trong doanh nghiệp. Năng suất thấp mang lại một chu kỳ luân quản trong tổ chức, các biện pháp cần được thực hiện để tăng năng suất toàn diện và cách hệ thống và quy trình thúc đẩy năng suất.



Trong những năm gần đây, ngành gỗ của Việt Nam đang có những bước tiến lớn trong chế biến và xuất khẩu.

Sản xuất thường đề cập đến các hoạt động chuyển đổi nguồn lực thành sản phẩm hoặc dịch vụ trong khi năng suất liên quan đặc biệt đến cách sản xuất sản phẩm hoặc dịch vụ.

Các biện pháp sau đây nên được áp dụng trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất trong ngành công nghiệp chế biến gỗ: Tất cả các nguyên vật liệu có sẵn kịp thời gian; Sử dụng thời gian và nghiên cứu thao tác; Bố trí dây truyền, máy móc, thiết bị đúng và khoa học; Thiết lập mục tiêu đúng và khoa học; Đúng loại công nghệ được sử dụng; Đúng trình độ của người công nhân khi vận hành; Lao động có động lực làm việc; Số hóa tất cả các công việc khả thi của tất cả các phòng ban; Quá trình xử lý nguyên vật liệu đúng; Kỹ năng và tay nghề của người lao động; Thỏa mãn công việc tại nơi làm việc; Môi trường làm việc tốt; Sử dụng đúng hệ thống; Lãnh đạo về giám sát chất lượng đúng, APMs, PMs...; Tổ chức nguyên vật liệu đúng; Đúng số lượng máy móc hiệu suất cao; Bảo trì máy đúng cách; Đào tạo, đào tạo lại liên tục; Luân chuyển lao động tối thiểu; Sử dụng đúng quy trình, tiêu chuẩn.

Cũng theo chuyên gia chế biến gỗ khi vươn ra thị trường thế giới yêu cầu sản xuất hàng loạt, giá cả hợp lý và giao hàng nhanh chóng. Vì vậy, năng suất là yếu tố quan trọng quyết định khả năng tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, ngành gỗ nước ta chủ yếu là làm từ thủ công, ít doanh nghiệp đầu tư dây chuyền, công nghệ sản xuất hàng loạt. Chính điều này dẫn đến năng suất, chất lượng các sản phẩm gỗ Việt Nam không đồng đều, khó có đáp ứng các đơn hàng lớn.

Để đáp ứng được các đơn hàng lớn mà còn giúp giảm áp lực và chi phí về lao động, doanh nghiệp ứng dụng các dây chuyền chế biến gỗ hiện đại, có độ chính xác cao, đa dạng công dụng. Xây dựng, cải tạo một hệ thống máy móc hiện đại và đồng bộ có thể giúp doanh nghiệp giảm từ 20 – 30% lao động.

Nguồn: tcvn.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS của Ấn Độ – Những lưu ý với doanh nghiệp Việt Nam

Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS do Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ cấp là giấy chứng nhận bắt buộc để sản phẩm được tiêu thụ tại thị trường Ấn Độ. Danh sách này ngày càng mở rộng và hiện một số mặt hàng như hóa chất, đồ chơi, thép, giày dép, lốp xe, sợi tổng hợp... bắt buộc phải có chứng nhận BIS. Đây là các mặt hàng Việt Nam đang xuất khẩu sang Ấn Độ. Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ hợp tác với Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ vừa tổ chức buổi Webinar về quy định, quy trình và thủ tục cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS đối với các nhà sản xuất nước ngoài.

Khai mạc hội thảo, ông Bùi Trung Thương- Tham tán Thương mại tại Ấn Độ nhấn mạnh tầm quan trọng của Giấy chứng nhận BIS do Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ cấp. Đây là giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng bắt buộc đối với nhà sản xuất cả trong và ngoài nước để sản phẩm được tiêu thụ tại thị trường Ấn Độ. Danh sách này ngày càng mở rộng và hiện một số mặt hàng như hóa chất, đồ chơi, thép, giày dép, lốp xe, sợi tổng hợp... bắt buộc phải có chứng nhận BIS. Đây là các mặt hàng Việt Nam đang xuất khẩu sang Ấn Độ.



Buổi hội thảo về Chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS của Ấn Độ thu hút sự tham gia của hơn 60 doanh nghiệp Việt Nam.

Hai diễn giả của chương trình là ông S. Venkatesh và ông P. Deshick công tác tại Phòng chứng nhận các nhà sản xuất nước ngoài (FMCD) thuộc Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ đã trực tiếp cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài, trong đó có Việt Nam.

Hai diễn giả đã trình bày chi tiết về thủ tục, giấy tờ cần chuẩn bị để đăng ký BIS, các trường hợp bị từ chối đơn, khảo sát thực tế tại nhà máy, vai trò và trách nhiệm của người đại diện là người Ấn Độ để thay mặt nhà sản xuất nước ngoài liên hệ với FMCD, gia hạn giấy phép, bảo lãnh ngân hàng và các khoản phí liên quan.

Để được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng BIS, nhà sản xuất cần chuẩn bị các giấy tờ sau: đơn đăng ký kèm phí đăng ký 1000 INR; giấy xác thực địa chỉ của nhà máy; danh mục máy móc sản xuất; danh sách thiết bị kiểm tra theo ISS và chứng chỉ hiệu chuẩn có liên quan, hướng dẫn sử dụng sản phẩm; danh sách nguyên liệu thô có chứng chỉ phân tích; sơ đồ bố trí nhà máy; lưu đồ quy trình sản xuất với các mô tả ngắn gọn và điểm kiểm soát chất lượng trung gian; báo cáo thử nghiệm tại nhà máy cho tất cả thử nghiệm có thể có theo Tiêu chuẩn Ấn Độ; giấy chấp nhận hướng dẫn sử dụng sản phẩm, phí đánh dấu (marking fee); thư đồng ý (nếu không có Cơ sở xét nghiệm hoàn chỉnh); thông số kỹ thuật liên quan đến sản phẩm (nếu có).

Hai diễn giả cũng đề cập đến các trường hợp mà đơn đăng ký BIS có thể bị từ chối, bao gồm: Không có cơ sở thử nghiệm đầy đủ theo hướng dẫn sử dụng ISS hoặc sản phẩm liên quan; Không trả lời đầy đủ các câu hỏi được đưa ra bởi viên chức được chỉ định; Không nộp đủ phí đăng ký; Không phát hành thư mời cho viên chức được chỉ định; Không xác nhận hoặc không sẵn sàng cho cuộc kiểm tra.

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ từ doanh nghiệp, Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ sẽ chỉ định chuyên gia đến kiểm tra tại cơ sở sản xuất. Chuyến kiểm tra này sẽ đánh giá các yếu tố như: cơ sở sản xuất, vệ sinh (trong trường hợp sản phẩm là thực phẩm), cơ sở thử nghiệm và nhân viên kiểm soát chất lượng. Nếu đánh giá đạt yêu cầu, các mẫu sẽ được lấy để kiểm tra độc lập. Người nộp đơn sẽ phải chi trả các chi phí liên quan đến vận chuyển và thủ tục hải quan.

Một yêu cầu quan trọng đối với các doanh nghiệp Việt Nam là phải có Người đại diện được ủy quyền ở Ấn Độ (AIR). AIR phải là người Ấn Độ và chỉ đại diện cho một công ty sản xuất, không đại diện cho (các) nhà sản xuất nước ngoài khác theo chương trình đánh giá sự phù hợp của BIS.

Tuy nhiên, trong trường hợp các nhà sản xuất nước ngoài thuộc cùng một nhóm công ty và nhà nhập khẩu (có liên quan đến nhà sản xuất nước ngoài) được chỉ định là người đại diện được ủy quyền ở Ấn Độ, hạn chế này sẽ không được áp dụng. Đối với người đại diện được ủy quyền ở Ấn Độ (AIR), yêu cầu cần phải đáp ứng là tốt nghiệp theo trình độ chuyên môn và hiểu rõ các điều khoản của Đạo luật BIS năm 2016 cùng với quy tắc, quy định liên quan. Họ

không được có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến vai trò của mình với việc thử nghiệm (các) mẫu trong phòng thí nghiệm của bên thứ ba.

Ngoài ra, người đại diện được ủy quyền ở Ấn Độ (AIR) phải tuân thủ các Đạo luật, Quy tắc, Quy định, Điều khoản & Điều kiện được quy định trong Giấy phép, Thỏa thuận, Cam kết của BIS..., được thực hiện bởi hoặc thay mặt cho nhà sản xuất nước ngoài có liên quan đến việc cấp giấy phép hoạt động.

Vấn đề về ngân hàng bảo lãnh cũng được các doanh nghiệp quan tâm. Theo quy định, sau khi được cấp giấy chứng nhận BIS, nhà sản xuất phải có bảo lãnh ngân hàng mức 10.000 USD tại các ngân hàng có chi nhánh cả ở cả Việt Nam và Ấn Độ (như HDFC, DBS, Citibank, Standard Chartered).

Giấy phép tiêu chuẩn chất lượng BIS sẽ có thời hạn một hoặc hai năm khi đăng ký lần đầu. Sau đó, doanh nghiệp có thể nộp đơn gia hạn tối đa 5 năm, dựa trên kết quả hoạt động của giấy phép. Để được gia hạn, doanh nghiệp cần nộp đơn ít nhất 3 tháng trước khi giấy phép hết hạn. Phí cấp giấy phép hàng năm là 1000 Rs/- nhân với số năm yêu cầu gia hạn và phí đăng ký gia hạn là 1000 Rs/-.

Đây là vấn đề phức tạp, sát sườn đối với doanh nghiệp. Hội thảo diễn ra với sự tham gia sôi nổi của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, bao gồm sản xuất thép, dệt may, giày dép, đồ chơi và polyester.

Đối với mỗi loại sản phẩm, Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ đã đưa ra hướng dẫn cụ thể về các giấy tờ liên quan và quy định. Để biết thêm thông tin chi tiết về các yêu cầu đối với sản phẩm của mình, doanh nghiệp có thể truy cập trang web của Cục Tiêu chuẩn Ấn Độ, email của Phòng chứng nhận các nhà sản xuất nước ngoài (FMCD).

***Bùi Trung Thuồng – Tham tán Thương mại Thương vụ Việt Nam
tại Ấn Độ***



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Việt Nam: Cảnh báo của EU đối với củ sạc (ADAPTER)

Ngày 10/3/2023, Cổng thông tin Safety Gate của Liên minh Châu Âu EU dành cho các sản phẩm không phải thực phẩm đã ban hành cảnh báo số A12/00469/23 đối với sản phẩm củ sạc (adapter) chuẩn Type-C công suất 25W có xuất xứ từ Việt Nam (model EP-TA800) do không đáp ứng được các điều khoản pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật theo Chỉ thị về Điện áp thấp (Low Voltage Directive, EN 62386-1) của EU.

Theo báo cáo kết quả kiểm tra, sản phẩm nói trên có khoảng cách chống rò (creepage, clearance distance) quá ngắn và không đảm bảo khả năng cách điện. Điều này có thể khiến thiết bị được kết nối gặp phải tình trạng quá nhiệt, tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ. EU đã đưa ra quyết định thu hồi toàn bộ sản phẩm đã bán tới người sử dụng cuối tại thị trường EU; quyết định có hiệu lực kể từ ngày 28/2/2023.



Nguồn: <https://ec.europa.eu/safety-gate-alerts/screen/webReport/alertDetail/10008052?lang=en>



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

DANH MỤC CÁC THÔNG BÁO NHẬN ĐƯỢC TỪ 01/4/2023 – 30/6/2023

Nước TB	Số lượng TB	Vấn đề TB
Armenia	5	Đường bộ, vật liệu và sản phẩm xây dựng đường bộ; Thịt gia cầm và sản phẩm chế biến từ gia cầm; Thuốc sát trùng, diệt côn trùng và các sản phẩm diệt muỗi dùng; thuốc thú y
Argentina	5	Cá bảo quản và các sản phẩm thủy sản khác; Đồ uống từ thực vật; Đồ uống men lên men
Australia	2	Đồ uống có cồn đóng gói nhập khẩu và sản xuất trong nước bắt buộc phải dán nhãn để bán tại Úc và New Zealand; Các sản phẩm sữa bột dành cho trẻ sơ sinh được bán ở Úc và New Zealand.
Bỉ	2	Điện tử, viễn thông, kỹ thuật âm thanh và hình ảnh, công nghệ thông tin, mã văn phòng.
Brazil	10	Phô mai và sữa đông; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Thịt, nội tạng hoặc tiết đã được chế biến hoặc bảo quản (không bao gồm xúc xích và các sản phẩm tương tự, các chất chiết xuất từ thịt và nước ép); Thịt, các sản phẩm từ thịt và các sản phẩm từ động vật khác; Sữa và kem, cô đặc hoặc đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ chăm sóc sức khỏe; Gelatin; Hàng đóng gói sẵn; Diezen sinh học và hỗn hợp của chúng.
Burundi	38	Chất đánh bóng thủy tinh hoặc kim loại, có hoặc không ở dạng giấy, mền xơ, nỉ, sản phẩm không dệt, plastic xốp hoặc cao su xốp, được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng các chế phẩm đó; Chất hoạt động bề mặt; Xà phòng, chất tác dụng bề mặt hữu cơ, chế phẩm rửa, chế phẩm bôi trơn, sáp nhân tạo, sáp chế biến, chế phẩm làm đánh bóng hoặc chống cùn, nền và các sản phẩm tương tự, bột làm mô hình, sáp ráp nha khoa và các chế phẩm có thành phần là nhựa; Chất hoạt động bề mặt; Trứng gia cầm tươi, còn nguyên vỏ (trừ gia cầm đã được thụ tinh để ấp); Thực phẩm đóng gói sẵn và chế

		biến sẵn; Thịt lợn đông lạnh, thịt và các sản phẩm từ thịt; Động vật sống, sản phẩm động vật nói chung; Máy dùng để sơ chế công nghiệp thịt hoặc gia cầm; Nước thiên nhiên thông thường, chưa pha thêm đường, chất tạo ngọt khác hoặc hương liệu, nước đá và tuyết (không bao gồm nước khoáng và nước có ga, nước biển, nước cất, nước dẫn điện hoặc nước có độ tinh khiết tương tự), thuốc thử hóa học; Thuốc trừ côn trùng, thuốc diệt loài gặm nhấm, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, thuốc chống nảy mầm và thuốc điều hòa sinh trưởng thực vật, thuốc khử trùng và các sản phẩm tương tự, đã đóng gói để bán lẻ hoặc ở dạng các chế phẩm hoặc vật phẩm, ví dụ như băng, bác và nến đã xử lý lưu huỳnh, và giấy bẫy ruồi; Thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp khác nói chung. Thuốc khử trùng, đã làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ hoặc như các chế phẩm hoặc vật phẩm (trừ hàng hóa thuộc phân nhóm 3808.59) (mã HS: 380894); Sản phẩm của ngành hóa chất (các mã ICS: 71.100). Toluen (mã HS: 290230); Các hợp chất hữu cơ đã được xác định về mặt hóa học riêng biệt (mã HS: 2942); Mực in (các mã ICS: 87080). Axit sunfuric; oleum (mã HS: 2807); Axit (các mã ICS: 71.060.30) Thuốc lá điếu (mã HS: 240220); Thuốc lá, sản phẩm thuốc lá và thiết bị liên quan (các mã ICS: 65.160). Hạt rau mùi chưa nghiền (mã HS: 090921); Gia vị và đồ gia vị (các mã ICS: 67.220.10). Quế và hoa quế nghiền hoặc xay (mã HS: 090620); Gia vị và đồ gia vị (các mã ICS: 67.220.10). Hạt thì là (mã HS: 09093); Gia vị và đồ gia vị (các mã ICS: 67.220.10) Hạt mù tạc, đã hoặc chưa vỡ vụn (mã HS: 120750); Phụ gia thực phẩm (các mã ICS: 67.220.20) Gia vị hỗn hợp các loại (mã HS: 091091); gia vị và đồ gia vị (các mã ICS: 67.220.20). Xà phòng và các sản phẩm và chế phẩm hữu cơ hoạt động bề mặt, ở dạng thanh, bánh, miếng hoặc hình dạng đã đúc sẵn, và giấy, mền xơ, nỉ và sản phẩm không dệt, đã được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa (các mã HS: 34011); Chất hoạt động bề mặt (các mã ICS: 71.100.40). Phile cá khác tươi hoặc ướp lạnh (các mã HS: 03044); thủy sản và các sản phẩm thủy sản (các mã ICS: 67.120.30).
--	--	--

		Cá muối, sản phẩm từ cá. Cá tươi hoặc ướp lạnh (mã HS: 030289); thủy sản và các sản phẩm thủy sản (các mã ICS: 67.020). Cá, khô, kể cả muối nhưng không hun khói, cá (không bao gồm philê và nội tạng (các mã HS: 030559); thủy sản và các sản phẩm thủy sản (các mã ICS: 67.120.30). Phile cá đông lạnh ((mã HS: 030489); thủy sản và các sản phẩm thủy sản (các mã ICS: 67.120.30). Khăn (miếng lót) và băng vệ sinh, khăn ăn và khăn lót cho trẻ sơ sinh, và các sản phẩm tương tự, bằng chất liệu bất kỳ (các mã HS: 9619); vải dệt (các mã ICS: 59.080.30). Nước, bao gồm. khoáng và có ga, đã pha thêm đường, chất tạo ngọt hoặc hương liệu, dùng trực tiếp như nước giải khát (các mã HS: 220210); đồ uống (các mã ICS: 67.160). Đồ uống không cồn (không bao gồm nước, nước ép trái cây hoặc rau, sữa và bia (các mã HS: 220299); đồ uống (các mã ICS: 67.160). Nhiều sợi "folded" hoặc sợi cáp có chứa $\geq 85\%$ xơ staple acrylic hoặc modacrylic tính theo trọng lượng (không bao gồm chỉ khâu và sợi đã được đóng gói để bán lẻ (các mã HS: 550932); dệt may nói chung (các mã ICS: 59.080.01). Các mặt hàng dệt thành phần khác, bộ, quần áo mưa và hàng dệt mũ (các mã HS: 63); dệt may nói chung (các mã ICS: 59.080.01). Các mặt hàng quần áo và phụ kiện quần áo, không dệt kim hoặc mát (các mã HS: 62); quần áo (các mã ICS: 61.020). Dầu gội đầu gốc chất tẩy rửa tổng hợp. Kem dưỡng da, kem dưỡng da, gel.
Canada	2	Viễn thông (ICS 33.170). Thuốc và thiết bị y tế (mã ICS: 11.120, 11.040).
Chile	3	Xe điện đẩy. Bebidas Alcohólicas Thiết bị đầu cuối dùng trong mạng di động
Trung Quốc	9	Thiết bị bảo vệ trẻ em di động hàng không ((các) mã HS: 94); (các mã ICS: 49.090). Sản phẩm nguồn sáng (mã HS: 8539); ((Các) mã ICS: 29.140.99) Thiết bị y tế cấy ghép chủ động (mã HS: 902150); ((Các) mã ICS: 11.040.40 Máy công cụ và phụ tùng máy cắt gọt kim loại (mã HS: 8457; 8458; 8459; 8460; 8461; 8466); ((các) mã ICS: 25.060) Thiết bị điều khiển nguồn sáng và các bộ phận của

		chúng ((các) mã HS: 8504); ((các) mã ICS: 29.140.99). Sản phẩm bao bì chuyển phát nhanh bằng giấy, nhựa và sợi dệt (mã HS: 39232; 481910; 481940; 630590); ((các) mã ICS: 03.240). Bắt trục, cảm biến ăn khớp, hộp điều khiển, hộp điều khiển phụ ((các) mã HS: 847989); ((các) mã ICS: 73.100.40). Thiết bị y tế cấy ghép chủ động (mã HS: 902150; 902190); ((Các) mã ICS: 11.040.40) Cảm biến dùng trong mỏ than, máy đo, thiết bị ghi dữ liệu (mã HS: 847490); ((các) mã ICS: 13.100).
Đan Mạch	1	Phân bón (mã HS: 31); Phân bón ((các) mã ICS: 65.080)Chất ức chế urease
Cộng hòa Dominica	1	11.020.10
Ecuador	3	34.01.11.00, 34.01.19.00, 34.01.19.10, 34.01.19.90, 34.01.20.00, 34.01.30.00, 34.02.11.90, 34.02.12.10, 34.02.12.90, 34.02.13.10.
Ai Cập	1	Phương tiện giao thông đường bộ nói chung ((các) mã ICS: 43.020)
El Salvador	1	Công nghệ thông tin (CNTT) nói chung (mã ICS: 35.020)
Liên minh Châu Âu	15	Các sản phẩm diệt khuẩn và các vật phẩm đã qua xử lý được xử lý bằng hoặc kết hợp với các sản phẩm diệt khuẩn. Các sản phẩm không có mục đích y tế được liệt kê trong Phụ lục XVI của quy định (EU) 2017/745 về thiết bị y tế. Các thiết bị y tế. Các sửa đổi liên quan đến trứng cho con người 04072100. Các sửa đổi liên quan đến thịt gia cầm 0207. Trái cây và rau, trái cây và rau chế biến, và Chuối. Các sửa đổi liên quan đến mật ong, nước ép trái cây và một số sản phẩm tương tự dành cho người tiêu dùng, mứt trái cây, thạch và mứt cam dành cho người tiêu dùng, một số loại sữa đã khử nước một phần hoặc toàn bộ dùng cho người tiêu dùng. Những sản phẩm xây dựng. Máy móc di động tự hành, nằm trong phạm vi của Chỉ thị 2006/42/EC, được thiết kế hoặc chế tạo với mục đích đặc biệt để thực hiện công việc (máy móc di động ngoài đường bộ). Đề xuất áp dụng cho những máy móc như vậy nếu nó được dự định lưu thông trên đường công cộng ở EU. Một số loại sản phẩm cụ thể bị loại trừ, chẳng hạn như: Máy cơ động không dùng trên đường bộ có tốc độ thiết kế lớn nhất vượt quá 40 km/h;

		máy di động ngoài đường được trang bị nhiều hơn ba vị trí ngồi, bao gồm cả vị trí ngồi của người lái xe; một số máy móc chủ yếu dùng để vận chuyển một hoặc nhiều người hoặc động vật, hoặc bất kỳ hàng hóa nào; xe thuộc phạm vi của Quy định (EU) SỐ 168/2013 hoặc Quy định (EU) 2018/858. Các chất và hỗn hợp nguy hiểm. .
Phần Lan	1	Túi nicotin không có thuốc lá
Gruzia	2	Khả năng chống cháy của vật liệu và cấu kiện xây dựng ((các) mã ICS: 13.220.50); Khía cạnh kỹ thuật ((các) mã ICS: 91.010.30); Kết cấu gỗ ((các) mã ICS: 91.080.20); Xây dựng cầu ((các) mã ICS: 93.040).
Gana	37	Máy giặt quần áo; Pin năng lượng tái tạo; Quạt tiện nghi; Máy biến áp phân phối; Tấm năng lượng mặt trời; ấm đun nước điện; Bình đun nước nóng; máy vi tính; chiếu sáng công cộng; Xe máy điện; Máy điều hoà; Nồi cơm điện; Đèn dây tóc sợi đốt; quạt công nghiệp; Tivi và màn hình; Thiết bị điện lạnh; biển tần; ca cao; Bếp đun sinh khối cải tiến.
Honduras	1	Vigilancia y Fiscalización Sanitaria.
Ấn Độ	18	Sản phẩm đồng; Ván làm từ gỗ - Ván khối, Ván dăm dlat mỏng từ gỗ và vật liệu lignocellulose khác, Ván dăm gỗ và vật liệu lignocellulose khác (mật độ trung bình) dùng cho mục đích chung, Ván sợi tỉ trọng trung bình dùng cho mục đích chung, Ván dăm dán Veneer; Dây hàn thông lượng; Dụng cụ nấu ăn và đồ dùng; Bếp ga nội địa sử dụng với khí tự nhiên qua đường ống; Bình chữa cháy.
Indonesia	6	Đồ ăn; Nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu làm thuốc cổ truyền, nguyên liệu làm mỹ phẩm, nguyên liệu bồi bổ sức khỏe, nguyên liệu thực phẩm; Dược phẩm, thuốc cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm chế biến.
Israel	11	Ngói lợp đất sét; Sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn; Dưa chuột ngâm; Cũi trẻ em và cũi gấp dùng trong gia đình; Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời; Rượu; Trái cây và rau quả đông lạnh; Mỹ phẩm.
Gia-mai-ca	1	Ngũ cốc, đậu đỗ và các sản phẩm có nguồn gốc ((các) mã ICS: 67.060)
Nhật Bản	16	Thiết bị, thùng chứa và bao bì cho thực phẩm; Các chất có khả năng ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương; đài phát thanh tiện lợi; Dược phẩm (HS: 30); Điện thoại không dây kỹ thuật số; Thiết bị vô tuyến viễn thông di động cho LTE; Phân bón (HS: 3101); sash, khung và kính. (HS:7610.10, 3925.20, 7008.00); Vật liệu cách nhiệt bông thủy tinh, vật liệu cách nhiệt bọt polystyrene ép đùn; Axit formic làm phụ gia thức ăn chăn nuôi;

		Máy điều hòa không khí trung tâm Máy điều hòa không khí bơm nhiệt động cơ gas Máy điều hòa không khí tiện ích Máy điều hòa không khí ô tô Tủ lạnh và tủ đông kết hợp cho mục đích thương mại; Dược phẩm (HS: 30); Co-formulants (chất không hoạt tính được sử dụng trong hóa chất nông nghiệp); Đồ dùng, thùng chứa và bao bì cho thực phẩm và phụ gia thực phẩm
Jordan	7	Lạc; gums, nhựa và nhựa và chiết xuất thực vật khác ((các) mã HS 13); Hóa chất hữu cơ ((các) mã HS:29); Môi trường. Bảo vệ sức khỏe. An toàn ((các) mã ICS: 13); Kỹ thuật điện ((các) mã ICS: 29)
Kê-ni-a	67	((Các) mã HS: 380891); ((Các) mã ICS: 71.100.70) Khăn lau chống muối; Tủ đựng hồ sơ, tủ để thẻ mục lục, khay giấy, giá để giấy, khay đựng bút, giá để con dấu văn phòng và các thiết bị văn phòng hoặc thiết bị để bàn tương tự, bằng kim loại cơ bản, trừ đồ nội thất văn phòng thuộc nhóm 94.03. ((Các) mã HS: 8304); Hoàn thiện nội thất ((các) mã ICS: 91.180; Cửa ra vào, cửa sổ và khung cửa chúng và ngưỡng cửa bằng sắt hoặc thép ((các) mã HS: 780830); Cửa ra vào và cửa sổ ((các) mã ICS: 91.060.50); Khóa móc bằng kim loại cơ bản ((các) mã HS: 830110); Phụ kiện xây dựng ((các) mã ICS: 91.190); Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng ≥ 600 mm, ở dạng cuộn, chỉ được cán nguội “ép nguội”, chưa dát phủ, mạ hoặc tráng; Sắt hoặc thép không hợp kim hình chữ U, I hoặc H, không được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn; Mật ong tự nhiên. (Mã HS: 0409); Đường và các sản phẩm từ đường ((các) mã ICS: 67.180.10); ...
Hàn Quốc	21	Chế phẩm sinh học; Gỗ đã qua xử lý chống cháy, WPC, Ván ép, Ván sợi, OSB, Sàn gỗ, Viên nén gỗ, Dăm gỗ, Than bánh gỗ, Than củi; thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm; thực phẩm; Thiết bị truyền tải điện không dây cho xe điện và thiết bị điện vận tải; Thiết bị truyền tải điện không dây cho xe điện; mỹ phẩm; Thiết bị điện; bán thuốc; Phương tiện cơ giới (HS: 8702, 8703, 8704); Các thiết bị y tế; Thiết bị điện và Sản phẩm tiêu dùng (Pin tái sử dụng); Ván dăm; Sản phẩm vệ sinh
Cô-oét	3	Gia vị và đồ gia vị ((các) mã ICS: 67.220.10); Nước thiết yếu ăn được-Yêu cầu chung, ICS: 67.180; Danbo dành cho tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm. (ICS: : 67.100)
Cộng hoà Kyrgyz	1	Đường bộ, vật liệu xây dựng đường bộ và các sản phẩm
Litva	1	Dược phẩm ((các) mã HS: 30)
Mexico	9	Thiết bị xây dựng và bảo trì đường sắt/đường cáp (mã

		ICS: 45.120); Các đặc tính, thông số kỹ thuật phải đáp ứng khi ghi nhãn chứng nhận chất lượng đối với hạt giống để gieo trồng; Thuốc và trang bị y tế liên quan
Namibia	3	Rau và một số rễ, củ ăn được (mã HS: 07); Tổng quát. Thuật ngữ. tiêu chuẩn hóa. Tài liệu ((các) mã ICS: 01); An toàn lao động. Vệ sinh công nghiệp ((các) mã ICS: 13.100); Công nghệ thực phẩm ((các) mã ICS:67)
Tân Tây Lan		Màn hình điện tử bao gồm tivi, màn hình máy tính và màn hình bảng hiệu kỹ thuật số, bao gồm những màn hình thuộc HS 85.24, 85.25, 85.28, 85.33 và 85.29; Thuốc lá; Máy làm đá và máy làm đá thương mại kể cả những sản phẩm thuộc HS 84.18; Xe hạng nhẹ, kể cả những loại thuộc HS8703; Xe hạng nặng, kể cả những loại thuộc HS8704; Mô tô, xe gắn máy kể cả các loại thuộc HS8711; Xe có mục đích đặc biệt HS8705; Xe dành cho người khuyết tật, kể cả xe thuộc HS8713; Đồ uống có cồn đóng gói nhập khẩu và sản xuất trong nước bắt buộc phải dán nhãn để bán tại Úc và New Zealand; Các sản phẩm sữa bột dành cho trẻ sơ sinh được bán ở Úc và New Zealand, bao gồm cả theo HS 190110; Dự luật Sản phẩm Hữu cơ cho phép tất cả các sản phẩm hữu cơ được quản lý. Dự luật sẽ chỉ áp dụng cho các sản phẩm được bao phủ bởi các tiêu chuẩn hữu cơ quốc gia được thiết lập trong luật thứ cấp. Tiêu chuẩn đầu tiên được phát triển sẽ bao gồm thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thực vật và động vật; Tiêu chuẩn hữu cơ quốc gia; Phương tiện cơ giới hạng nhẹ (ô tô con, SUV, xe tải, xe tải nhẹ, tổng khối lượng phương tiện lên tới 3,5 tấn).
Ni-ca-ra-goa	2	Thuốc trừ sâu dùng trong gia đình và chuyên nghiệp có nguồn gốc thực vật và vi sinh
Ô-man	3	Gia vị và đồ gia vị ((các) mã ICS: 67.220.10); Nước thiết yếu ăn được-Yêu cầu chung, ICS: 67.180; Danbo dành cho tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm. (ICS: 67.100)
Pa-na-ma	2	Động vật.
Pêru	1	Fertilizantes and sustancias afinesClasificados en el Capítulo 31 del Sistema Armonizado o el Alancel de Aduanas
Philippines	2	Dược phẩm ((các) mã ICS: 11.120); Công nghệ thực phẩm ((các) mã ICS: 67)
Ca-ta	3	Gia vị và đồ gia vị ((các) mã ICS: 67.220.10); Nước thiết yếu ăn được-Yêu cầu chung, ICS: 67.180; Danbo dành cho tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm. (ICS: 67.100)
Liên Bang Nga	5	Đường bộ, vật liệu xây dựng đường bộ và các sản phẩm; Sản phẩm thuốc; thuốc thú y

Rwanda	71	Khăn lau chống muỗi; Tủ đựng hồ sơ, tủ để thẻ mục lục, khay giấy, giá để giấy, khay đựng bút, giá để con dấu văn phòng và các thiết bị văn phòng hoặc thiết bị để bàn tương tự, bằng kim loại cơ bản, trừ đồ nội thất văn phòng thuộc nhóm 94.03. ((Các) mã HS: 8304); Hoàn thiện nội thất ((các) mã ICS: 91.180); Mật ong tự nhiên. (Mã HS: 0409); Đường và các sản phẩm từ đường; Cửa ra vào, cửa sổ và khung cửa chúng và ngưỡng cửa bằng sắt hoặc thép ((các) mã HS: 730830); Cửa ra vào và cửa sổ ((các) mã ICS: 91.060.50); Sắt hoặc thép không hợp kim hình chữ U, I hoặc H, không được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn; Khóa móc bằng kim loại cơ bản ((các) mã HS: 830110); Phụ kiện xây dựng;...
Ả Rập Saudi	6	Gia vị và đồ gia vị ((các) mã ICS: 67.220.10); Nước thiết yếu ăn được-Yêu cầu chung, ICS: 67.180; Danbo dành cho tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm. (ICS: 67.100).
Sénégal	6	Tơ tằm (mã HS: 50); Len, lông động vật mịn hoặc thô; sợi lông đuôi ngựa và vải dệt thoi; Các mặt hàng may mặc và phụ kiện may mặc, dệt kim hoặc móc (mã HS: 61); Chất chiết xuất làm thuốc nhuộm hoặc thuốc da; tanin và các chất dẫn xuất của chúng; thuốc nhuộm, bột màu và các chất màu khác; sơn và vecni; bột trét và các loại ma tít khác; mực in (mã HS: 32); xoài (mã HS: 080450); (Mã ICS: 65).
Singapore	2	Máy điều hòa không khí ống gió đơn di động một pha có công suất làm lạnh từ 12 kW trở xuống HS 8415.82 Bóng đèn một pha được thiết kế để kết nối với điện áp nguồn 230V HS 8539.21.90, HS 8539.22, HS 8539.31, HS 8539.52 Tivi một pha (có bộ thu TV tích hợp) HS 8528.72 Máy điều hòa không khí một pha trong phòng không ống gió HS 8415.10.20 Tủ lạnh một pha có thể tích điều chỉnh lên đến 900 lít. HS 8418.10, HS 8418.21; Tất cả đồ uống đóng gói sẵn trong chai nhựa và lon kim loại 150ml (đã bao gồm) – 3000ml (đã bao gồm) S/NHS Mô tả Mã HS 1 Sữa và kem, không cô đặc, không pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác 04.01 2 Nước ép trái cây hoặc quả hạch (kể cả nước nho ép và nước dừa) và các loại nước ép rau quả, chưa lên men và chưa pha thêm rượu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác. 20.09 3 Đồ uống, rượu mạnh và giấm 22
Slovenia	1	Thịt bò, lợn, cừu, dê và gia cầm tươi, ướp lạnh và đông lạnh
Nam Phi	1	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ (Mã HS: 02);- Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm

		và động vật không xương sống sống dưới nước khác ((các) Mã HS: 03);- Sản phẩm từ sữa; trứng chim; mật ong tự nhiên; các sản phẩm ăn được có nguồn gốc từ động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác ((các) Mã HS: 04);- Các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác ((các) Mã HS: 05);- Cà phê, trà, maté và gia vị (Các) Mã HS: 09);- Ngũ cốc ((Các) Mã HS: 10);- Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; chất béo ăn được đã chế biến; sáp động vật hoặc thực vật ((các) Mã HS: 15);- Các chế phẩm từ thịt, cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật không xương sống sống dưới nước khác ((các) Mã HS: 16);- Đường và kẹo đường ((các) Mã HS : 17);- Ca cao và các chế phẩm từ ca cao (Mã số HS: 18);- Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; sản phẩm bánh ngọt ((các) Mã HS: 19);- Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các bộ phận khác của cây ((các) Mã HS: 20);- Các chế phẩm ăn được khác ((các) Mã HS: 21); - Đồ uống, rượu mạnh và giấm ((các) Mã HS: 22);Muối; lưu huỳnh; đất và đá; vật liệu trát vữa, vôi và xi măng ((Các) Mã HS: 25).
Sri Lanka	4	Mặt hàng thực phẩm
Thụy Điển	1	Thang, giàn, giỏ làm việc được thiết kế để sử dụng với cần câu hoặc xe nâng, lưới an toàn để bảo vệ con người, giàn giáo và nơi trú ẩn thời tiết và một số thiết bị điều áp
Thụy sĩ	2	Dầu ôliu nguyên chất và các phần phân đoạn của nó thu được từ quả của cây ôliu hoàn toàn bằng phương pháp cơ học hoặc phương pháp vật lý khác trong các điều kiện không làm giảm chất lượng của dầu ((các) mã HS: 150910)
Đài Bắc Trung Hoa	9	Sản phẩm thực phẩm nói chung ((các) mã ICS: 67.040); Sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa tiếp theo (bao gồm sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh, sữa công thức bổ sung dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh dùng cho các mục đích y tế đặc biệt), và sữa bột hoặc các sản phẩm tương tự dành cho trẻ em dưới 7 tuổi; Máy điều hòa không khí di động (phạm vi kiểm định: điện áp định mức không quá 250Vac) ((các) mã HS: 841581; Đồ chơi; Tủ đông kiểu ngăn, dung tích; nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chứng khoáng của chúng; Các thiết bị y tế
Tanzania	92	Khăn lau chống muối; Sắt hoặc thép không hợp kim hình chữ U, I hoặc H, không được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ; Khóa móc bằng kim loại cơ bản ((các) mã HS: 830110); Phụ

		kiện xây dựng ((các) mã ICS: 91.190); Mật ong tự nhiên. (Mã HS: 0409); Đường và các sản phẩm từ đường ((các) mã ICS: 67.180.10); Tủ đựng hồ sơ, tủ để thẻ mục lục, khay giấy, giá để giấy, khay đựng bút, giá để con dấu văn phòng và các thiết bị văn phòng hoặc thiết bị để bàn tương tự, bằng kim loại cơ bản, trừ đồ nội thất văn phòng thuộc nhóm 94.03. ((Các) mã HS: 8304); Hoàn thiện nội thất ((các) mã ICS: 91.180); Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng ≥ 600 mm, ở dạng cuộn, chỉ được cán nguội "ép nguội", chưa dát phủ, mạ hoặc tráng, có độ dày từ; Cửa ra vào, cửa sổ và khung cửa chúng và ngưỡng cửa bằng sắt hoặc thép ((các) mã HS: 730830); Cửa ra vào và cửa sổ ((các) mã ICS: 91.060.50);...
Thái Lan	10	Thực phẩm; Khí thải do phương tiện giao thông vận tải; thiết bị viễn thông
Trinidad and Tobago	3	Đóng gói và phân phối hàng hóa; Sản phẩm công nghiệp hóa chất nói chung
Uganda	67	Khăn lau chống muỗi; Sắt hoặc thép không hợp kim hình chữ U, I hoặc H, không được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ; Khóa móc bằng kim loại cơ bản ((các) mã HS: 830110); Phụ kiện xây dựng ((các) mã ICS: 91.190); Mật ong tự nhiên. (Mã HS: 0409); Đường và các sản phẩm từ đường ((các) mã ICS: 67.180.10); Tủ đựng hồ sơ, tủ để thẻ mục lục, khay giấy, giá để giấy, khay đựng bút, giá để con dấu văn phòng và các thiết bị văn phòng hoặc thiết bị để bàn tương tự, bằng kim loại cơ bản, trừ đồ nội thất văn phòng thuộc nhóm 94.03. ((Các) mã HS: 8304); Hoàn thiện nội thất ((các) mã ICS: 91.180); Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng ≥ 600 mm, ở dạng cuộn, chỉ được cán nguội "ép nguội", chưa dát phủ, mạ hoặc tráng, có độ dày từ; Cửa ra vào, cửa sổ và khung cửa chúng và ngưỡng cửa bằng sắt hoặc thép ((các) mã HS: 730830); Cửa ra vào và cửa sổ ((các) mã ICS: 91.060.50);...
Ukraina	23	Hạt giống và vật liệu trồng; Máy giặt gia đình, máy giặt-sấy gia đình; Máy rửa bát gia đình; chất tẩy rửa; Xe công nông; phương tiện bảo vệ dân sự; Sản phẩm thuốc; chất khử trùng; Thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa; Sản phẩm thuốc lá; Ấp trứng và gà con của gia cầm; Hoa bia và các sản phẩm hoa bia; Thủy sản, tài nguyên sinh vật thủy sinh và nuôi trồng thủy sản; an toàn sinh học; Bao bì và chất thải bao bì; nho và các sản phẩm trồng nho, rượu nho; Thiết bị điện và điện tử; túi nhựa; Nguồn lợi sinh vật và sản phẩm từ nguồn lợi sinh vật dưới nước; Máy móc; thiết

		bị có thể hoán đổi cho nhau; thành phần an toàn; phụ kiện nâng hạ; nâng xích, dây thừng và vãi; thiết bị truyền dẫn cơ học có thể tháo rời; máy móc hoàn thiện một phần; sản phẩm hóa chất; rác thải.
Các Tiêu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	4	Dấu hợp quy & Logo tiêu chuẩn quốc gia; Gia vị và đồ gia vị; Nước thiết yếu ăn được-Yêu cầu chung; Danbo dành cho tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm.
Vương quốc Anh	10	Dược phẩm: Kiểm tra thực hành sản xuất tốt và chứng nhận lô • Thiết bị y tế. Thiết bị đầu cuối viễn thông. Thiết bị hạ thế.Tương thích điện từ. Máy móc. Thiết bị áp suất. Sản phẩm ô tô; các sản phẩm có thể kết nối dành cho người tiêu dùng được định nghĩa là sản phẩm 'có thể kết nối internet' hoặc sản phẩm 'có thể kết nối mạng'. Điều này liên quan đến Danh sách Mã HS của Chương 84 và 85. Trong phạm vi các sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn ở: • điện thoại thông minh• máy ảnh, TV và loa có thể kết nối• đồ chơi trẻ em có thể kết nối và màn hình trẻ em• các sản phẩm liên quan đến an toàn có thể kết nối như thiết bị phát hiện khói và khóa cửa• Trạm gốc và trung tâm Internet of Things mà nhiều thiết bị kết nối với nhau• thiết bị theo dõi thể dục có thể kết nối có thể đeo• sản phẩm giải trí ngoài trời, chẳng hạn như thiết bị GPS có thể kết nối cầm tay không phải là thiết bị đeo• hệ thống báo động và tự động hóa gia đình có thể kết nối• thiết bị có thể kết nối, chẳng hạn như máy giặt và tủ lạnh• trợ lý nhà thông minh Máy tính xách tay, PC, thiết bị y tế; Alphacypermethrin (hoạt chất trừ sâu); Thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp khác ((các) mã ICS: 65.100); Các sản phẩm mỹ phẩm được định nghĩa theo Điều 2(1)(a) của Quy định (EC) số; ...
Mỹ	117	Thùng chứa nhiên liệu di động; Phòng cháy chữa cháy ((các) mã ICS: 13.220.20); Bảo vệ chống áp suất quá mức ((các) mã ICS: 13.240); Bảo vệ chống hàng nguy hiểm ((các) mã ICS: 13.300); Thiết bị lưu trữ chất lỏng ((các) mã ICS: 23.020); Các chất Per- và Polyfluoroalkyl; Bảo vệ môi trường ((các) mã ICS: 13.020); An toàn trong nước ((các) mã ICS: 13.120); Sản xuất trong công nghiệp hóa chất ((các) mã ICS: 71.020); Sản phẩm của ngành hóa chất ((các) mã ICS: 71.100); Hydrofluorocarbons; Quạt trần; Quạt bàn, sàn, tường, cửa sổ, trần hoặc mái, có động cơ điện một đầu ra; Chất chống cháy; Chất lượng ((các) mã ICS: 03.120); Bảo vệ môi trường, sản phẩm của ngành hóa chất; Súng giả giống đồ chơi; An toàn trong nước ((các) mã ICS: 13.120); Đồ chơi ((các) mã ICS: 97.200.50);

		Dịch vụ quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh, dịch vụ vệ tinh cố định (NGSO FSS); Máy bay và phương tiện vũ trụ nói chung ((các) mã ICS: 49.020); Các hệ thống và hoạt động không gian ((các) mã ICS: 49.140); Máy nước nóng dân dụng và máy nước nóng thương mại dân dụng; Nệm và tấm lót nệm; dễ cháy;...
U-ru-goay	5	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh ((các) mã HS: 0702); Khoai tây, tươi hoặc ướp lạnh ((các) mã HS: 0701); Hạt và quả có dầu; ngũ cốc, hạt và trái cây khác; cây công nghiệp hoặc dược liệu; rơm rạ và thức ăn gia súc (mã HS: 12); Sản phẩm điện áp căng baja: Vật liệu và trang bị điện và điện áp danh nghĩa thị trường danh nghĩa có điện áp 50 vôn và điện áp 1000 vôn ở chế độ thay thế phù hợp hoặc điện áp thị trường là 75 vôn và điện áp 1500 vôn ở điện áp phù hợp liên tục, với các ngoại lệ (phiên bản điều 2); Thiết bị, đồ tạo tác và phương tiện đã tiêu tốn năng lượng.
Việt Nam	15	Sản phẩm thuốc nổ; Ô tô lắp ráp, sản xuất và nhập khẩu mới; kỹ thuật xe đường bộ (ICS 43); Các sản phẩm nhập khẩu thuộc các Chương 40, 84, 85, 87 và 94 của HS 2012, bao gồm: (a) xe cơ giới nguyên chiếc thuộc loại M1 như được định nghĩa trong Quy định của UNECE, và các bộ phận và thiết bị của chúng trong phạm vi mà các bộ phận và thiết bị này được quy định trong Quy định của UNECE áp dụng cho toàn bộ phương tiện cơ giới loại M1; và (b) các bộ phận và thiết bị của phương tiện cơ giới loại M2 và N3 như được định nghĩa trong Quy định của UNECE trong phạm vi mà các bộ phận và thiết bị này được quy định trong Quy định của UNECE cũng được áp dụng cho toàn bộ phương tiện thuộc loại M1; Các chất làm suy giảm tầng ôzôn (ODS) và khí nhà kính được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal (HFCs).
Y-ê-men	3	Gia vị và đồ gia vị ((các) mã ICS: 67.220.10); Nước thiết yếu ăn được-Yêu cầu chung, ICS: 67.180; Danbo dành cho tiêu dùng trực tiếp hoặc để chế biến thêm. (ICS: 67.100).

Nguồn: <https://epingalert.org/en/Search>



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ II NĂM 2023



Chuyên mục: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Danh mục các tiêu chuẩn,
quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành



STT	Ký hiệu	Nội dung	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
01	QCVN 23:2023/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Chất thải chứa các nhân phóng xạ có nguồn gốc tự nhiên	25/5/2023	15/7/2023
02	QCVN 24:2023/BKHCN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Thiết bị X-quang đo mật độ xương dùng trong y tế	25/5/2023	15/7/2023
03	QCVN 112:2023/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Van hãm sử dụng trên đầu máy, toa xe	17/4/2023	01/11/2023
04	QCVN 110:2023/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Bộ trục bánh xe của đầu máy, toa xe	17/4/2023	01/11/2023
05	QCVN 111:2023/BGTVT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Bộ móc nối, đỡ đâm của đầu máy, toa xe	17/4/2023	01/11/2023
	QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc	13/3/2023	12/9/2023

	03:2023/BTNMT	gia Chất lượng đất		
	QCVN 05:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Chất lượng không khí	13/3/2023	12/9/2023
	QCVN 08:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Chất lượng nước mặt	13/3/2023	12/9/2023
	QCVN 09:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Chất lượng nước dưới đất	13/3/2023	12/9/2023
	QCVN 10:2023/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Chất lượng nước biển	13/3/2023	12/9/2023

Nguồn: Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng (tổng hợp)



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

 Số 01, đường Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

 (0256)3822747

 www.tdcbinhdinh.org.vn